

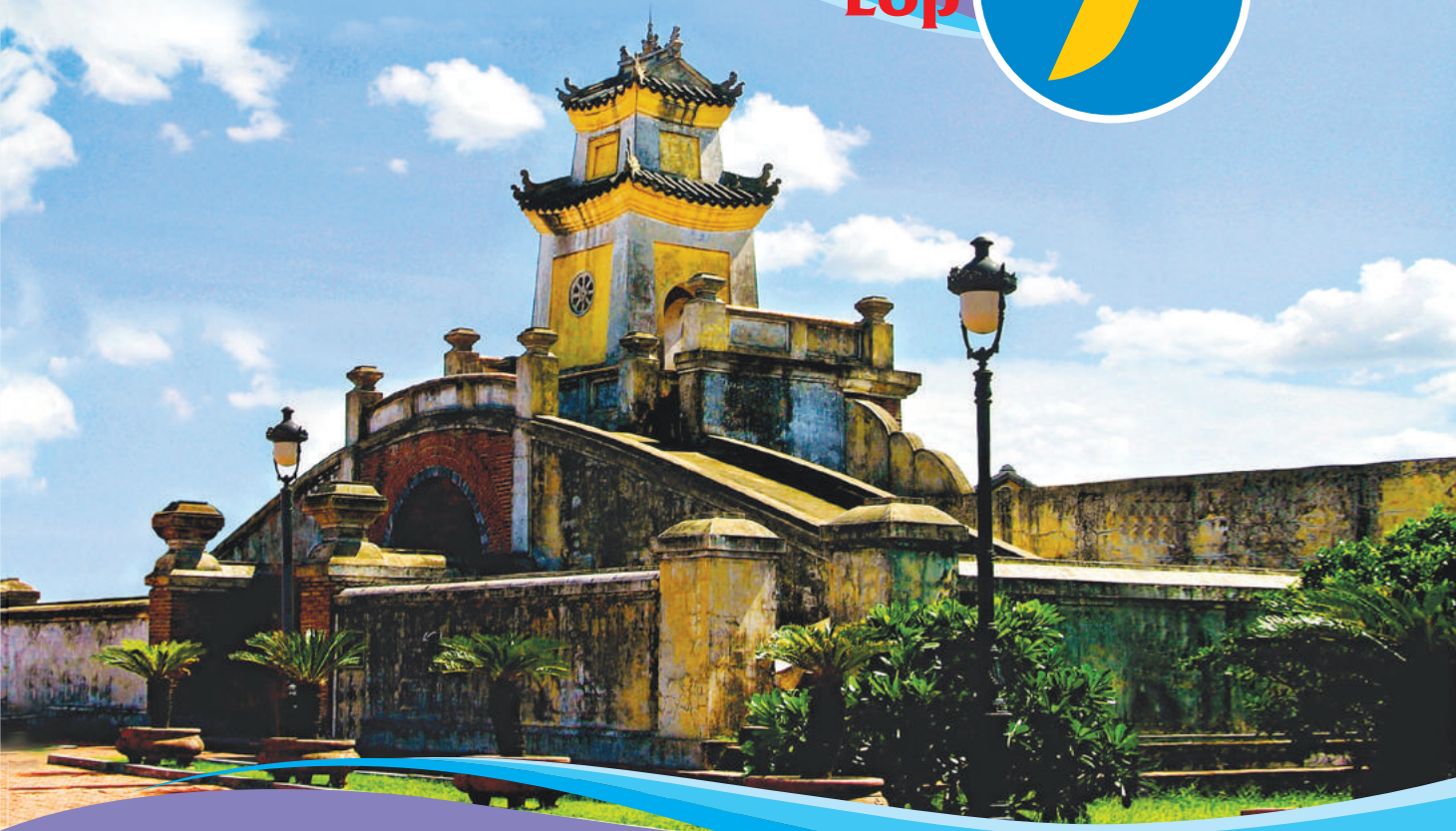


ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Tài liệu
GIÁO DỤC ĐỊA PHƯƠNG
TỈNH QUẢNG BÌNH

Lớp

7



ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

ĐOÀN THỊ THUÝ HẠNH – HỒ GIANG LONG (Đồng Chủ biên)
NGUYỄN THỊ CHI – NGUYỄN THỊ THANH NGÀ – ĐẶNG THỊ PHƯƠNG
ĐOÀN THỊ PHƯỢNG – DƯƠNG QUỲNH PHƯƠNG
LÊ THỊ NGỌC BÉ – TRẦN ĐẠI NGHĨA – DƯƠNG XUÂN SỰ – LÊ THỊ HỒNG VÂN

Tài liệu
GIÁO DỤC ĐỊA PHƯƠNG
TỈNH QUẢNG BÌNH **Lớp**

7

Kí hiệu và hướng dẫn sử dụng tài liệu



MỞ ĐẦU

Xác định nhiệm vụ, vấn đề học tập học sinh cần giải quyết; kết nối với những điều đã biết, nêu vấn đề nhằm kích thích tư duy, tạo hứng thú đối với bài mới.



KIẾN THỨC MỚI

Với các nội dung (kênh hình, kênh chữ) thông qua các hoạt động học tập giúp học sinh khai thác, tiếp nhận kiến thức mới.



LUYỆN TẬP

Là các câu hỏi, bài tập, thực hành để củng cố kiến thức, rèn luyện các kỹ năng gắn với kiến thức vừa học.



VẬN DỤNG

Sử dụng kiến thức, kỹ năng đã học để giải quyết các tình huống, vấn đề trong thực tiễn.

LỜI NÓI ĐẦU

Các em học sinh yêu quý!

Tài liệu Giáo dục địa phương tỉnh Quảng Bình lớp 7 sẽ cung cấp cho các em một số hiểu biết cơ bản về văn hoá, lịch sử, địa lí, môi trường, xã hội mang dấu ấn đặc trưng của địa phương Quảng Bình.

Các bài học được thiết kế theo chuỗi hoạt động *Mở đầu, Kiến thức mới, Luyện tập, Vận dụng* nhằm giúp các em chủ động tiếp cận bài học và hình thành một số phẩm chất, năng lực cần thiết.

Khi sử dụng tài liệu, các em cần chú ý một số yêu cầu sau:

– Trước khi tiếp cận bài học, phải đọc kĩ nội dung ở ô hình chữ nhật sau tên bài để hình dung được những kiến thức và các yêu cầu cần đạt sau khi học.

– Nhận biết chuỗi hoạt động qua kí hiệu ở đầu sách và thực hiện đầy đủ các hoạt động trong đó theo hướng dẫn của thầy cô.

– Các sơ đồ, bảng biểu ở phần câu hỏi, bài tập (nếu có) là để gợi ý. Khi trả lời câu hỏi và làm bài tập, các em không ghi trực tiếp vào tài liệu.

Qua *Tài liệu Giáo dục địa phương tỉnh Quảng Bình lớp 7*, các em bước đầu sẽ hiểu được quá khứ để tự hào hơn, quý yêu hơn mảnh đất Quảng Bình của chúng ta ngày hôm nay. Hi vọng cuốn tài liệu này sẽ mang đến cho các em nhiều niềm vui và sự hứng thú.

Nhóm tác giả

MỤC LỤC

BÀI	NỘI DUNG	TRANG
1	Quảng Bình từ thế kỉ XI đến thế kỉ XIV	5
2	Quảng Bình từ thế kỉ XV đến thế kỉ XVI	10
3	Di sản văn hoá của tỉnh Quảng Bình	15
4	Lễ hội đua, bơi thuyền trên sông Kiên Giang	22
5	Hội Rằm tháng Ba Minh Hoá	27
6	Bảo tồn và phát huy giá trị các lễ hội văn hoá truyền thống ở tỉnh Quảng Bình	31
7	Đặc điểm dân cư tỉnh Quảng Bình	35
8	Nguồn lao động, vấn đề việc làm ở tỉnh Quảng Bình	43
9	Khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên thiên nhiên ở tỉnh Quảng Bình	48
10	Thực hành bảo vệ môi trường nơi em sống	56
11	Gương người tốt, việc tốt ở tỉnh Quảng Bình	59

Bài 1. QUẢNG BÌNH TỪ THẾ KỈ XI ĐẾN THẾ KỈ XIV

Học xong chủ đề này, em sẽ:

- Nêu được quá trình vùng đất Quảng Bình trở thành lãnh thổ của Đại Việt.
- Giới thiệu được công cuộc khai khẩn và xây dựng vùng đất Quảng Bình từ thế kỉ XI đến thế kỉ XIV.
- Trình bày được quá trình kháng chiến chống ngoại xâm của nhân dân Quảng Bình từ thế kỉ XI đến thế kỉ XIV (thời Lý, Trần).



Từ thế kỉ XI đến thế kỉ XIV, nước ta bước vào thời kì độc lập và có sự chuyển biến mạnh mẽ trên tất cả các lĩnh vực. Cùng với sự chuyển biến của đất nước, vùng đất Quảng Bình thời kì này cũng có nhiều thay đổi. Thay đổi quan trọng nhất là Quảng Bình trở thành lãnh thổ của Đại Việt, bắt đầu cho công cuộc mở cõi về phương nam.



Em hãy trình bày sự hiểu biết của mình về quá trình vùng đất Quảng Bình trở thành lãnh thổ của Đại Việt và sự chuyển biến về chính trị, kinh tế, xã hội, văn hoá trên vùng đất này từ thế kỉ XI đến thế kỉ XIV.



1. Quá trình vùng đất Quảng Bình trở thành lãnh thổ của Đại Việt

Năm 1009, nhà Lý thành lập. Năm 1010, Lý Thái Tổ (Lý Công Uẩn) dời đô về Thăng Long, đặt tên nước là Đại Việt, xây dựng nhà nước trung ương tập quyền, củng cố quân đội, chăm lo phát triển kinh tế, bảo vệ chủ quyền lãnh thổ của đất nước.

Ở phía nam, Đại Việt phải thường xuyên đối phó với các hoạt động quấy rối, tiến công quân sự của quân Chiêm Thành. Trước tình hình đó, nhà Lý đã đem quân đánh dẹp để ổn định biên cương.

Tháng 12 năm 1020, vua Lý Thái Tổ sai Khai Thiên Vương và Đạo Thạc Phụ đem quân đánh vào trại Bồ Chính (Bắc Quảng Bình ngày nay) giết tướng Chiêm Thành là Bồ Linh ở núi Long Ty (Quảng Trạch ngày nay) rồi rút về nước.

Năm 1069, Lý Thánh Tông cùng tướng tiên phong Lý Thường Kiệt đánh vào kinh đô Chiêm Thành, bắt sống vua Chiêm là Chế Củ đưa về Thăng Long. Để chuộc mạng, Chế Củ xin dâng ba châu Bồ Chính, Địa Lý, Ma Linh (tức vùng đất Quảng Bình, Bắc Quảng Trị ngày nay) cho nhà Lý.

Cuộc chiến tranh giữa Đại Việt và Chiêm Thành năm 1069 với chiến thắng của quân dân Đại Việt có ý nghĩa quan trọng đối với lịch sử vùng đất Quảng Bình và lịch sử dân tộc. Kể từ năm 1069, vùng đất Quảng Bình và một phần đất vùng Bắc Quảng Trị được sáp nhập vào quốc gia Đại Việt. Biên giới Đại Việt đã vượt qua Hoành Sơn (Đèo Ngang) mở đầu cho công cuộc mở cõi về phương nam ở những giai đoạn lịch sử kế tiếp.



1. Âm mưu và hành động của Chiêm Thành đối với Đại Việt? Nhà Lý đã làm gì để ổn định biên cương phía nam?
2. Sự kiện nào đánh dấu Quảng Bình trở thành lãnh thổ của Đại Việt? Theo em, việc vùng đất Quảng Bình trở thành lãnh thổ của Đại Việt có ý nghĩa như thế nào?

2. Công cuộc khai khẩn và xây dựng vùng đất Quảng Bình từ thế kỉ XI đến thế kỉ XIV

a. Bước đầu thực hiện chủ quyền trên vùng đất Quảng Bình

Năm 1069, sau khi ba châu Bố Chính, Địa Lý (Quảng Bình) và Ma Linh (Bắc Quảng Trị) nhập vào Đại Việt, các triều đại phong kiến Việt Nam bắt đầu thực hiện chủ quyền trên lãnh thổ của mình.

Nhà Lý đã tổ chức cho một bộ phận dân cư từ vùng đồng bằng châu thổ Bắc Bộ, vùng đất Hoan Châu, Ái Châu (Thanh Hoá – Nghệ An) đến vùng Lệ Thủy, Quảng Ninh khai khẩn đất đai, phát triển sản xuất.

Tháng 8 năm 1075, sau khi đánh dẹp sự quấy rối biên giới phía nam của quân Chiêm Thành, nhà Lý cho vẽ lại bản đồ ba châu Bố Chính, Địa Lý, Ma Linh và đổi tên Bố Chính thành Bố Chính, Địa Lý thành Lâm Bình, Ma Linh thành Minh Linh, chính thức thành lập các đơn vị hành chính tại vùng đất này.

Châu Lâm Bình (Nam Quảng Bình ngày nay) cùng với châu Minh Linh (Bắc Quảng Trị ngày nay) là vùng đất giáp giới với nước Chiêm Thành. Do đó, ngoài việc di dân đến ở, khai hoang lập ấp để phát triển kinh tế, nhà Lý còn quan tâm đến việc tạo chỗ đứng chân để bảo vệ biên cương phía nam. Điều này hoàn toàn phù hợp với chính sách “ngụ binh ư nông” lúc bấy giờ.

Các thế kỉ kế tiếp, nhà Trần tiếp tục đẩy mạnh việc khai phá vùng đất Quảng Bình với quy mô lớn, các cuộc di dân cũng diễn ra ồ ạt hơn.



Nhà Lý đã làm gì để thực hiện chủ quyền trên vùng đất Quảng Bình?

b. Tình hình kinh tế, xã hội ở Quảng Bình từ thế kỉ XI đến thế kỉ XIV

Thời nhà Lý, chính quyền rất chú trọng phát triển nông nghiệp. Công cuộc khẩn hoang được tiến hành với quy mô lớn, bắt đầu từ vùng đất phía nam - châu Lâm Bình (huyện Quảng Ninh và huyện Lệ Thủy ngày nay). Với điều kiện địa lí, đất đai thuận lợi, nông nghiệp ở vùng đất Lâm Bình nhanh chóng phát triển trở thành nguồn cung cấp lương thực chính cho cả vùng.

Thời nhà Trần, nhiều quan lại vào nhậm chức và định cư ở Quảng Bình đã cho mở rộng quy mô khai phá, lập ấp, dựng làng và trở thành ông tổ khai canh của nhiều vùng đất như: Trần Bang Cẩn ở vùng Quảng Lộc (Ba Đồn ngày nay), Hồ Cường ở vùng Nhân Trạch (Bố Trạch ngày nay), Trần Tùng ở vùng Vạn Ninh (Quảng Ninh ngày nay), Hoàng Hối Khanh ở vùng Phong Thủy (Lệ Thủy ngày nay),... Nhờ đó, Quảng Bình có thêm nhiều tụ điểm dân cư, làng mạc trù phú.



Hình 1.1. Vựa lúa huyện Lệ Thủy
(vùng đất Lâm Bình xưa)

Thủ công nghiệp từng bước phát triển, đặc biệt là ở huyện Lệ Thủy ngày nay với các nghề, làng nghề như: nghề rèn ở làng Phan Xá; nghề dệt, trồng dâu nuôi tằm ở làng Mai Hạ; nghề làm nổi đất, ẩm đất ở làng Uẩn Áo; nghề làm chiếu cói ở làng An Xá, nghề làm nón lá ở làng Quy Hậu,...



Hình 1.2. Làng Quy Hậu, huyện Lệ Thủy nơi nổi tiếng với nghề làm nón lá



Hình 1.3. Nghề trồng dâu nuôi tằm, làng Mai Hạ, huyện Lệ Thủy

Sự phát triển kinh tế làm cho đời sống văn hoá – xã hội có sự chuyển biến. Việc học hành khoa cử ở Quảng Bình đã bắt đầu phát triển. Năm 1256, đời Trần Thái Tông, Trương Xán, người xã Hoành Bồ (nay thuộc xã Quảng Đông, huyện Quảng Trạch) là người Quảng Bình đầu tiên thi đỗ Trạng nguyên, mở ra truyền thống học hành, khoa bảng nơi vùng đất phen dậu phía nam của Đại Việt.



Trình bày tình hình kinh tế ở Quảng Bình từ thế kỉ XI đến thế kỉ XIV. Điểm nổi bật trong chuyển biến về đời sống văn hoá - xã hội Quảng Bình từ thế kỉ XI đến thế kỉ XIV là gì?

3. Quá trình kháng chiến chống ngoại xâm của nhân dân Quảng Bình từ thế kỉ XI đến thế kỉ XIV

Thời nhà Lý, nhằm giữ yên vùng biên giới phía nam, tập trung lực lượng chống quân Tống ở phía bắc và phá tan âm mưu nhà Tống liên kết với Chiêm Thành đánh Đại Việt, vua Lý đã đem quân đánh vào Chiêm Thành. Cuộc chiến này đã được nhân dân Quảng Bình ủng hộ tích cực. Đồng thời, nhân dân Quảng Bình cũng đã góp nhiều công sức cho cuộc kháng chiến chống Tống của nhà Lý lúc bấy giờ.

Thời nhà Trần, vào thế kỉ XIII, quân Mông – Nguyên xâm lược Đại Việt.

Năm 1282, vua Nguyên sai Toa Đô chỉ huy một đạo quân vượt biển đánh Chiêm Thành. Nhà Trần cự tuyệt yêu cầu mượn đường đánh Chiêm Thành của vua Nguyên và bí mật giúp Chiêm Thành chống giặc. Bồ Chính, Lâm Bình vừa tạo điều kiện thuận lợi cho Chiêm Thành, vừa là phen dậu phía nam của đất nước trong cuộc kháng chiến chống quân Mông – Nguyên.

Năm 1285, quân Nguyên phát binh đánh chiếm nước ta lần thứ hai. Lúc này, quân Toa Đô từ Chiêm Thành đánh ra Bồ Chính, hình thành thế gọng kìm tiêu diệt Đại Việt từ hai phía. Thực hiện chủ trương của nhà Trần, nhân dân Bồ Chính làm “vườn không, nhà trống” đoàn kết chống lại kẻ thù.

Những năm cuối nhà Trần, khi quân Minh uy hiếp ở phía bắc, Chiêm Thành tấn công phía nam, nhiều quan lại trấn nhậm trên vùng đất Bồ Chính, Tân Bình (tên gọi mới của châu Lâm Bình) đã đứng lên lãnh đạo nhân dân chống giặc như: Trần Bang Cẩn, Hồ Cường, Hoàng Hối Khanh, Trần Tùng,...

Như vậy, trong các thế kỉ XI – XIV, Quảng Bình thường xuyên bị tác động bởi các cuộc chiến tranh, nhân dân Quảng Bình đã góp công cùng cả nước chống ngoại xâm giành thắng lợi, góp phần viết nên trang sử hào hùng trong công cuộc dựng nước và giữ nước của dân tộc ta.



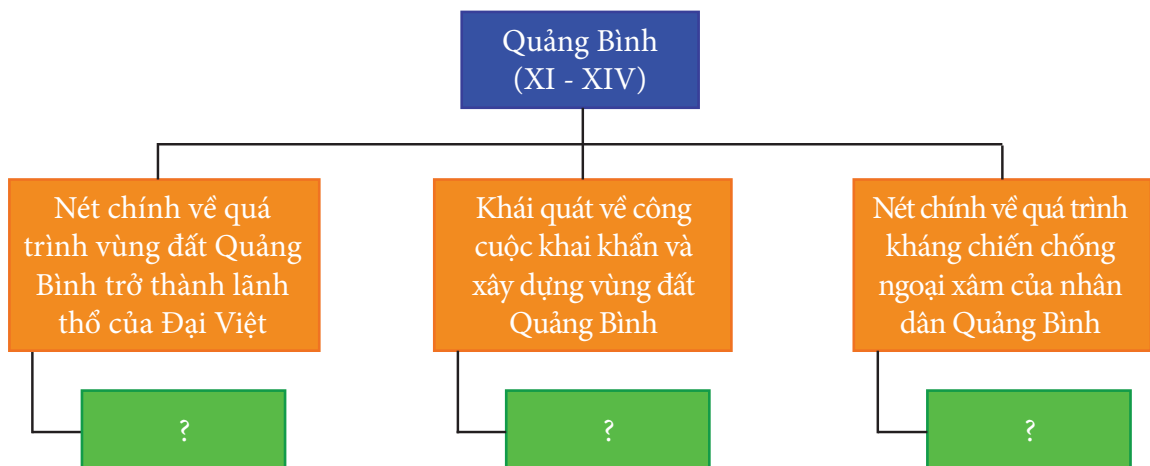
Nêu những đóng góp của nhân dân Quảng Bình trong quá trình chống ngoại xâm thời Lý, Trần.



1. Lập bảng thống kê các cuộc chiến giữa Đại Việt và Chiêm Thành theo mẫu sau:

Lãnh đạo	Thời gian	Kết quả	Nhận xét
?	?	?	?
?	?	?	?

2. Bổ sung các thông tin về vùng đất Quảng Bình từ thế kỉ XI đến thế kỉ XIV theo sơ đồ sau:



- Em hãy vẽ hoặc sưu tầm một bức tranh về một địa danh trên vùng đất Quảng Bình từ thế kỉ XI đến thế kỉ XIV mà em biết và giới thiệu cho các bạn cùng nghe.
- Viết một bài thuyết trình khoảng 200 từ về công cuộc khai khẩn và xây dựng vùng đất Quảng Bình dưới thời Lý, Trần trong các thế kỉ XI – XIV.

Bài 2. QUẢNG BÌNH TỪ THẾ KỈ XV ĐẾN THẾ KỈ XVI

Học xong chủ đề này, em sẽ:

- Trình bày được công cuộc kháng chiến chống ngoại xâm của nhân dân Quảng Bình thế kỉ XV.
- Nêu được tình hình kinh tế, xã hội, văn hoá, của Quảng Bình trong các thế kỉ XV - XVI.
- Bồi dưỡng lòng tự hào về truyền thống quê hương, đất nước.



Sau khi giải phóng đất nước khỏi ách thống trị của nhà Minh, Lê Lợi lên ngôi Hoàng đế, lập ra nhà Lê sơ, khẳng định lại tên nước là Đại Việt và ban hành nhiều chính sách về chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội áp dụng trên phạm vi cả nước. Với những chủ trương và chính sách của nhà Lê, vùng đất Quảng Bình trong các thế kỉ XV đến thế kỉ XVI đã có những chuyển biến nhất định trên các lĩnh vực kinh tế, văn hoá, xã hội.



Với sự hiểu biết về lịch sử của đất nước, lịch sử quê hương, em hãy giới thiệu sơ lược về cuộc kháng chiến chống quân Minh và những chủ trương của nhà Lê sơ nhằm củng cố chính quyền trên cả nước nói chung và Quảng Bình nói riêng.



1. Công cuộc kháng chiến chống ngoại xâm của nhân dân Quảng Bình thế kỉ XV

Trong cuộc kháng chiến chống quân Minh, ngay từ những ngày đầu cuộc khởi nghĩa Lam Sơn, những người con ưu tú của vùng đất Quảng Bình đã tích cực tham gia. Tiêu biểu như Nguyễn Danh Cả (Nguyễn Ca) ở xã Tuy Lộc (nay là xã Lộc Thủy, huyện Lệ Thủy) theo Lê Lợi dấy binh ở Lũng Nhai đánh giặc lập công được ban tước Trung Lượng Đại phu; Phạm Thượng tướng (không rõ tên),

EM CÓ BIẾT?

Nguyễn Danh Cả (Nguyễn Ca) người Tuy Lộc (xã Lộc Thủy, huyện Lệ Thủy) theo Lê Lợi dấy binh, đánh giặc lập công được ban tước Trung Lượng đại phu. Con ông là Nguyễn Tri được giữ chức Đại đội trưởng quân Thánh Dực sở Thần vệ. Cháu ông là Nguyễn Đình Tuấn theo nghĩa quân đánh giặc, can đảm, giữ vững quân pháp, được trao chức Quả cảm tướng quân rồi thăng chức Phấn lực tướng quân, Chánh Võ úy sở Cương tả vệ Nghệ An,...

người Đại Phúc Lộc (xã Phong Thủy và xã Lộc Thủy của huyện Lệ Thủy ngày nay) nghe tin Lê Lợi dấy binh liền tìm theo, khi đi qua xã Duy Liệt (tỉnh Nghệ An ngày nay) đã giết chết viên Đại Hành khiển làm nguy quan cho giặc Minh làm lễ dâng vua, về sau lập công trạng được phong Thượng tướng.

Năm 1425, nhân dân Bồ Chính đã phối hợp cùng đạo quân của Tư Đồ Trần Nguyên Hãn và Thượng tướng Lê Nổ tiêu diệt quân Minh trong trận đánh trên bờ sông Gianh. Tiếp đó, khi nghĩa quân Lam Sơn tiến đánh Tân Bình, Thuận Hoá, nhân dân nức lòng tham gia góp phần giải phóng vùng đất rộng lớn từ đèo Ngang vào đến đèo Hải Vân.

Khởi nghĩa Lam Sơn thắng lợi, nhà Lê sơ thành lập, trước tình hình quấy phá liên tục của Chiêm Thành ở các châu phủ phía nam, nhà Lê sơ đã nhiều lần đem quân tiến đánh Chiêm Thành trong đó có sự tham gia của binh sĩ và nhân dân Tân Bình nhằm bảo vệ biên cương và toàn vẹn lãnh thổ của mình.



Nhân dân Quảng Bình đã tham gia cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Minh như thế nào? Kể tên một số tướng lĩnh của quê hương Quảng Bình đã tham gia kháng chiến chống quân Minh.

2. Nhà Lê sơ đẩy mạnh công cuộc khai khẩn vùng đất Quảng Bình

Trong các triều đại thời Lý, Trần, phần đất Quảng Bình ngày nay mới chỉ được tập trung khai phá ở phía nam, vùng đất Bồ Chính (tức Bồ Trạch, Quảng Trạch, Ba Đồn, Tuyên Hoá, Minh Hoá ngày nay) vẫn còn hoang sơ, dân cư thưa thớt. Với chủ trương đẩy mạnh công cuộc khẩn hoang, nhà Lê sơ đã tổ chức di dân, khai phá vùng Bồ Chính với quy mô lớn.

Khác với khi di dân vào châu Lâm Bình trước đây, họ định cư lập ấp theo từng dòng tộc và tên làng mang tên của những dòng họ. Thành phần định cư ở vùng Bồ Chính đa dạng hơn, một làng có nhiều dòng họ khác nhau, do đó không thấy những tên làng mang tên của một họ tộc như ở phía nam.

Những cư dân định cư ở châu Bồ Chính dưới thời Lê sơ thường tập trung ở những vùng có đất đai canh tác, bãi bồi ven sông, nhưng cũng có làng được hình thành trên địa bàn ở các cửa sông, vùng ven biển thuận tiện cho nghề chài lưới. Từ những vùng dân cư này, địa bàn cư trú dần dần lan toả lên phía tây và phủ khắp địa bàn trong toàn châu Bồ Chính.

Việc khai khẩn châu Bồ Chính dưới thời Lê sơ, cùng với việc khai phá châu Lâm Bình thời Lý, Trần đã làm cho công cuộc khai thiết vùng đất Quảng Bình cơ bản được hoàn thành. Theo bản đồ hành chính năm Quang Thuận thứ 10 (1496) Quảng Bình lúc đó có

3 trung tâm chính: huyện Lệ Thủy; huyện Khang Lộc, tức là vùng Quảng Ninh, Đồng Hới ngày nay (thuộc châu Lâm Bình); châu Bố Chính, tức là vùng Quảng Trạch, Bố Trạch, Ba Đồn, Tuyên Hoá, Minh Hoá ngày nay. Qua nhiều thời kì biến đổi nhiều tên làng thời ấy vẫn còn tồn tại đến bây giờ.

EM CÓ BIẾT?

Theo gia phả của một số dòng họ để lại, việc di dân lập ấp dưới thời vua Lê Thánh Tông đầu tiên là tập trung hai bên bờ sông Gianh. Từ phía thượng nguồn có thể kể đến là làng Lệ Sơn (xã Văn Hoá, huyện Tuyên Hoá ngày nay), làng Lũ Phong (phường Quảng Phong, thị xã Ba Đồn ngày nay), làng Hoà Ninh (xã Quảng Hoà, thị xã Ba Đồn ngày nay). Phía nam Đèo Ngang (huyện Quảng Trạch ngày nay) đã có nhiều cư dân phía bắc vào khai canh

lập nên những “phường” những “kê” như kê Càng (xã Quảng Kim), kê Xã (xã Cảnh Dương), kê Sóc, kê Chài (xã Quảng Phú), kê Đại, kê Nương (xã Quảng Xuân),... phía nam sông Gianh có thể thấy các làng Bồ Khê (xã Thanh Trạch), Cao Lao Thượng, Cao Lao Hạ, Cao Lao Trung (xã Hạ Trạch), Khương Hà (xã Hưng Trạch), Cự Năm (xã Cự Năm),... thuộc huyện Bố Trạch ngày nay.



1. Nhà Lê sơ đã khai khẩn vùng đất Quảng Bình như thế nào?

2. So với lần di dân vào châu Lâm Bình, việc định cư ở vùng Bố Chính có gì khác?

3. Tình hình kinh tế, văn hoá, xã hội Quảng Bình trong các thế kỉ XV - XVI

a. Kinh tế

Nông nghiệp (chủ yếu là trồng trọt) là ngành kinh tế chính của vùng đất Quảng Bình lúc bấy giờ. Ngoài vùng lúa ở Lâm Bình dưới thời Trần, Quảng Bình còn có thêm những cánh đồng ven biển ở vùng Bố Chính.

Vào thời gian này, người dân Quảng Bình cũng đã định cư ở những vùng đồi bán sơn địa khẩn hoang làm ruộng, lập vườn. Tại vùng Bắc sông Gianh, có thể thấy các làng Phù Lưu (xã Quảng Lưu, huyện Quảng Trạch ngày nay), Pháp Kê (xã Quảng Phương, huyện Quảng Trạch ngày nay), Lệ Sơn (xã Văn Hoá, huyện Tuyên Hoá ngày nay),... ở vùng Nam sông Gianh có làng Khương Hà (xã Hưng Trạch), Cự Năm (xã Cự Năm),... thuộc huyện Bố Trạch ngày nay.

Thủ công nghiệp, một số nghề và làng nghề phát triển hơn trước, tiêu biểu như: nghề đánh bắt và chế biến hải sản ở Di Luân, Cảnh Dương (huyện Quảng Trạch ngày nay), Tân Lễ (huyện Bố Trạch ngày nay), Hà Cừ, Động Hải (thành phố Đồng Hới ngày nay); nghề trồng dâu, nuôi tằm ở Thuận Bài (thị xã Ba Đồn ngày nay), Trường Dục (huyện Quảng Ninh

ngày nay), Lệ Sơn (huyện Tuyên Hoá ngày nay); nghề đan lát đồ tre ở Thọ Đơn (thị xã Ba Đồn ngày nay); nghề đóng thuyền ở Bồ Khê (huyện Bố Trạch ngày nay),... Ngoài ra, hoạt động khai thác lâm thổ sản cũng phát triển ở các huyện Khang Lộc (huyện Quảng Ninh ngày nay),...

Thương nghiệp, nhiều chợ nông thôn cũng đã được hình thành để mua bán trao đổi sản phẩm.



Nêu những chuyển biến về hoạt động kinh tế của nhân dân Quảng Bình từ thế kỉ XV đến thế kỉ XVI. Em có nhận xét như thế nào về các hoạt động kinh tế này?

b. Đời sống xã hội, văn hoá

Dưới thời Lê sơ, Nho giáo giành vị trí thống trị và trở thành hệ tư tưởng chính thống của chế độ phong kiến. Qua gia phả của các dòng họ ở một số làng được thành lập vào thời kì Lê sơ cho thấy Nho giáo có địa vị thống trị trong đời sống tinh thần của nhân dân Tân Bình lúc bấy giờ.

Phật giáo tuy đã mất vị trí quốc giáo nhưng những giáo lí Phật giáo đã ăn sâu vào đời sống nhân dân. Cùng với việc di dân lập ấp, các thiết chế Phật giáo là những chùa chiền vẫn đi theo cùng với người dân. Ở Bồ Khê (xã Thanh Trạch, huyện Bố Trạch ngày nay) năm lập làng cũng là năm xây dựng chùa Quan Âm – Hồng Đức thứ 3 (1473). Ở xã Mỹ Thủy, huyện Lệ Thủy lúc bấy giờ có chùa Kính Thiên (sau này là chùa Hoằng Phúc) và chùa Đại Phúc (xã Lộc Thủy ngày nay). Ở huyện Khang Lộc (huyện Quảng Ninh ngày nay) có chùa Hoá (xã Tân Ninh ngày nay),...

Vùng đất Quảng Bình là một vùng đất mới nhưng không vì vậy mà việc thực hiện pháp luật lơ lửng. Các gia phả dòng họ, các truyện kí khai khẩn ở các làng đều thể hiện khá rõ việc thực hiện các điều luật Nhà nước kết hợp với quy ước, hương ước của địa phương. Đặc biệt trong sách *Ô Châu cận lục* còn phản ánh việc học luật ở một số địa phương ở vùng đất này. Sách chép “Huyện Khang Lộc, xã Phúc Lộc anh em dạy nhau học luật”.

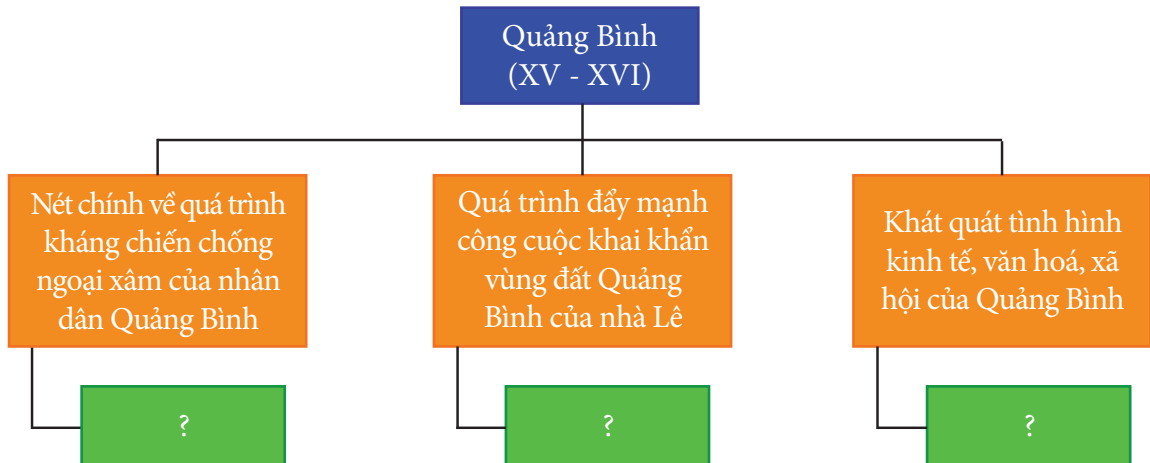
Từ thời Lê sơ, việc học ở vùng đất Quảng Bình đã phát triển, số người đỗ đạt, được bổ nhiệm làm quan các nơi ngày càng nhiều. Các làng đã quy định rõ chế độ khuyến học nhằm động viên con cháu chăm chỉ học hành.



Trình bày những nét chính về tình hình xã hội, văn hoá ở vùng đất Quảng Bình trong các thế kỉ XV - XVI.



1. Bổ sung các thông tin theo sơ đồ sau về vùng đất Quảng Bình từ thế kỉ XV đến thế kỉ XVI.



2. Lập bảng thống kê (theo mẫu gợi ý) về các nghề phát triển ở Quảng Bình trong thế kỉ XV – XVI. Trong số những nghề được thống kê, nghề nào còn lưu truyền đến hiện nay.

Tên nghề	Địa điểm (làng, xã, huyện)	Nghề được lưu truyền đến hiện nay
?	?	x
?	?	?
?	?	?



- 1. Tập làm hướng dẫn viên: Giới thiệu sơ lược về lịch sử Quảng Bình trong các thế kỉ XV - XVI.**
- 2. Viết một bài giới thiệu khoảng 200 từ về truyền thống đấu tranh bất khuất chống ngoại xâm của nhân dân Quảng Bình thế kỉ XV.**

Bài 3. DI SẢN VĂN HOÁ CỦA TỈNH QUẢNG BÌNH

Học xong chủ đề này, em sẽ:

- Giới thiệu được các di sản văn hoá của tỉnh Quảng Bình.
- Hiểu được giá trị của các di sản văn hoá trong sự phát triển kinh tế, xã hội ở tỉnh Quảng Bình.
- Trình bày được một số biện pháp bảo tồn di sản văn hoá ở tỉnh Quảng Bình.



Nằm trên dải đất miền Trung, Quảng Bình là nơi ghi dấu nhiều bước thăng trầm của lịch sử dân tộc. Quảng Bình có một hệ thống di sản văn hoá, lịch sử đa dạng qua các thời kì phát triển.



Quan sát hình ảnh dưới đây, em hãy trình bày những hiểu biết của mình về 2 di sản văn hoá đó.



Hình 3.1. Nhà lưu niệm Đại tướng
Võ Nguyên Giáp, huyện Lệ Thủy



Hình 3.2. Lễ hội bơi, đua thuyền trên sông
Kiến Giang, huyện Lệ Thủy



1. Giới thiệu các di sản văn hoá của tỉnh Quảng Bình

Vùng đất Quảng Bình với hơn bốn trăm năm hình thành và phát triển, tự hào mang trong mình những giá trị lịch sử lâu đời, gắn liền với công cuộc bảo vệ và xây dựng đất nước của cha ông ta. Đồng thời, Quảng Bình cũng được vinh danh là miền đất địa linh nhân kiệt, sơn thủy hữu tình, nơi giao thoa, hội tụ của nhiều nền văn hoá.

Sự vận động của lịch sử, điều kiện tự nhiên đã đem đến cho mảnh đất này một hệ thống di tích lịch sử, văn hoá phong phú, có nhiều giá trị to lớn về mặt sử liệu, văn hoá và giáo dục.

a. Di sản văn hoá phi vật thể

Quảng Bình có hệ thống di sản văn hoá phi vật thể phong phú và đa dạng với bốn loại hình chính: lễ hội dân gian; nghề thủ công truyền thống, nghệ thuật trình diễn dân gian và các tri thức dân gian.

Lễ hội dân gian truyền thống có sự đa dạng từ thờ thành hoàng làng, cầu mùa đến hội vật, rước sắc, lễ hội bài chòi, lễ hội đua thuyền. Điển hình như: lễ hội Cầu ngư của cư dân xã Hải Ninh (huyện Quảng Ninh); xã Bảo Ninh (thành phố Đồng Hới); xã Nhân Trạch, Hải Trạch, Thanh Trạch (huyện Bố Trạch); xã Cảnh Dương (huyện Quảng Trạch); lễ hội đua bơi thuyền trên sông Kiến Giang ở huyện Lệ Thủy, Quảng Ninh và thành phố Đồng Hới, trên sông Son ở huyện Bố Trạch, trên sông Gianh ở huyện Tuyên Hoá và thị xã Ba Đồn; lễ hội Thành hoàng làng và lễ hội nơm cá Bàu Rỗng (huyện Quảng Ninh); lễ hội Thượng nguyên và lễ hội làng ở thôn Pháp Kệ (huyện Quảng Trạch); lễ hội tưởng niệm Thành hoàng và các bậc khai canh thôn Thượng Phong (huyện Lệ Thủy); lễ hội tưởng niệm thần khai cư ở xã Thanh Trạch (huyện Bố Trạch); lễ hội Kỳ Phúc và rước kiệu thành hoàng làng Vĩnh Lộc (thị xã Ba Đồn); Hội vật, cướp cù đầu xuân ở phường Quảng Long (thị xã Ba Đồn).



Hình 3.3. Hội cướp cù đầu xuân, phường Quảng Long, thị xã Ba Đồn



Hình 3.4. Lễ hội Kỳ Phúc và rước kiệu Thành hoàng, làng Vĩnh Lộc, xã Quảng Lộc, thị xã Ba Đồn

Nghề thủ công tại các làng, xã ở Quảng Bình khá đa dạng, bao gồm các nghề: rèn, làm nón, mộc, nề, đan lát, dệt, làm gốm, chế biến nước mắm, ruốc, làm bánh đa, bánh xèo, bánh khoai, nghề đóng thuyền, làm nem, chả, chạm khắc gỗ, mây,... Trong đó có một số làng, xã lưu giữ nhiều nghề thủ công truyền thống như: xã Quảng Hoà (thị xã Ba Đồn) có nghề rèn, đúc, chạm khắc gỗ, làm bánh đa; làng Xuân Bồ, xã Xuân Thủy (huyện Lệ Thủy) phát triển nghề rèn, đan lát,...

Nghệ thuật trình diễn dân gian và các tri thức dân gian cũng hết sức phong phú như: nghệ thuật Bài Chòi Trung bộ ở thành phố Đồng Hới, huyện Bố Trạch, Quảng Ninh, Lệ Thủy; hát Ca trù của người Việt ở thị xã Ba Đồn, huyện Quảng Trạch, Minh Hoá, Tuyên Hoá; hát Tuồng bội ở làng Khương Hà (huyện Bố Trạch).

b. Di sản văn hoá vật thể

Một phần linh hồn của mảnh đất xứ Quảng là các di tích lịch sử, nơi lưu giữ những mốc son chói lọi, những chiến tích, sự hi sinh và những thành tựu từ bao đời của ông cha; là những danh thắng nổi tiếng trong nước và thế giới. Các di tích lịch sử – văn hoá, danh thắng có mật độ dày, phân bố rộng, đều khắp các địa phương trong tỉnh.



Hình 3.5. Quảng Bình Quan,
thành phố Đồng Hới



Hình 3.6. Tượng đài Mẹ Suốt,
thành phố Đồng Hới



Hình 3.7. Đền Thánh Mẫu Liễu Hạnh,
huyện Quảng Trạch



Hình 3.8. Chùa An xá, huyện Lệ Thủy

Những di tích lịch sử – văn hoá, danh thắng tiêu biểu như: Quảng Bình Quan, thành Đồng Hới, lũy Trấn Ninh, lũy Trường Sa, khu lăng mộ Lễ Thành hầu Nguyễn Hữu Cảnh, đền Thánh Mẫu Liễu Hạnh, bến đò Mẹ Suốt, trận địa pháo lão dân quân Đức Ninh, chiến khu Thuận Đức, đình Hoà Ninh, đình Phù Trịch, điện Thành hoàng Vĩnh Lộc, lăng mộ Lãnh binh Mai Lượng, làng chiến đấu Cự Năm, hang Tám Thanh niên xung phong, chiến khu Trung Thuần, hang Lèn Hà, bến phà Long Đại, chùa An Xá,...

Là kết tinh mồ hôi, công sức, trí tuệ và sự sáng tạo của nhân dân bao đời, những di sản văn hoá ở Quảng Bình luôn khiến nhiều thế hệ con dân xứ Quảng cũng như các du khách đến đây cảm thấy yêu mến và ấn tượng.

EM CÓ BIẾT?

Theo số liệu thống kê của Sở Văn hoá và Thể thao, tính đến tháng 12 năm 2021, tổng số di tích đã được xếp hạng trên địa bàn tỉnh Quảng Bình là 133. Trong đó có 55 di tích quốc gia (15 điểm di tích quốc gia đặc biệt thuộc hệ thống di tích đường Trường Sơn – đường Hồ Chí Minh), 78 di tích cấp tỉnh. Tổ chức UNESCO đã đưa 2 di sản văn hoá phi vật thể vào danh mục di sản văn hoá phi vật thể đại diện của nhân loại (Hát Ca trù của người Việt và Nghệ thuật Bài chòi Trung bộ); 1 di sản thiên nhiên thế giới (Vườn Quốc gia Phong Nha – Kẻ Bàng); 7 di sản

văn hoá được Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch đưa vào danh mục di sản văn hoá phi vật thể quốc gia (Hò khoan Lệ Thủy; Lễ hội đua, bơi thuyền trên sông Kiến Giang, huyện Lệ Thủy; Lễ hội Cầu ngư của cư dân văn biển tỉnh Quảng Bình; Lễ hội Đập trống của đồng bào Ma-Coong, xã Thượng Trạch, huyện Bố Trạch; Lễ hội Trúa lúa của đồng bào dân tộc Bru-Vân Kiều, xã Trường Sơn, huyện Quảng Ninh; Hò Thuốc cá, huyện Minh Hoá; Lễ hội đua thuyền trên sông Nhật Lệ, huyện Quảng Ninh và thành phố Đồng Hới).



1. Từ thông tin và hình ảnh, em hãy giải thích thế nào là di sản văn hoá, di sản văn hoá phi vật thể và di sản văn hoá vật thể?
2. Em hãy nhận xét về số lượng, loại hình, sự phân bố di sản văn hoá ở Quảng Bình và chia sẻ thông tin về một hoặc một số di sản văn hoá ở địa phương mà em biết hoặc tìm hiểu được.

2. Giá trị của các di sản văn hoá ở tỉnh Quảng Bình

Những năm gần đây, di sản văn hoá Quảng Bình đã và đang trở thành nhân tố quan trọng phục vụ đắc lực cho việc phát triển du lịch nói chung và du lịch văn hoá nói riêng, góp phần giải quyết nhu cầu việc làm, tạo thu nhập ổn định cho người dân, đóng góp tích cực vào sự phát triển kinh tế – xã hội của địa phương và của cả nước.

Ngoài ra, các di sản văn hoá còn góp phần phát huy các giá trị bản sắc dân tộc, nâng cao đời sống tinh thần cho nhân dân, thúc đẩy phát triển các làng nghề truyền thống thủ công mỹ nghệ ở địa phương.

Di sản văn hoá là nhân tố đắc lực góp phần tạo nên bản sắc, hình ảnh Quảng Bình trong bối cảnh hội nhập, tạo nên nguồn lực quan trọng để phát triển kinh tế, ổn định xã hội. Với những giá trị mà di sản văn hoá đem lại, Quảng Bình cần xây dựng và thực hiện các biện pháp để bảo tồn và phát huy giá trị của các di sản văn hoá trên địa bàn tỉnh.



Dựa vào thông tin phần kiến thức mới và hiểu biết của bản thân, hãy lựa chọn và giới thiệu về giá trị và ý nghĩa của một di sản văn hoá ở tỉnh Quảng Bình theo gợi ý sau:



3. Một số biện pháp bảo tồn di sản văn hoá ở tỉnh Quảng Bình

Giữ gìn và phát huy giá trị của các di sản văn hoá là rất cần thiết. Cấp uỷ và chính quyền địa phương đã phối hợp với ngành Văn hoá và Thể thao, cơ quan, ban ngành ở Trung ương thực hiện các biện pháp và xây dựng một số chương trình, kế hoạch bảo tồn, phát huy giá trị các di sản văn hoá trên địa bàn tỉnh Quảng Bình; huy động người dân tham gia bảo vệ di sản văn hoá và phát huy giá trị của di sản văn hoá trong cộng đồng; gắn việc bảo tồn với công tác giáo dục thế hệ trẻ.

Tỉnh Quảng Bình đã có chiến lược bảo tồn di sản khá toàn diện, việc kiểm kê, xếp hạng di tích được triển khai khoa học để từ đó có chính sách bảo tồn, phát huy giá trị các di sản văn hoá địa phương.

Công tác tuyên truyền, triển khai thực hiện Luật Di sản Văn hoá được tăng cường, một số dự án, đề tài khoa học nhằm bảo tồn và phát huy giá trị của các di sản văn hoá đã và đang được tiến hành. Công tác tuyên truyền, giới thiệu di sản văn hoá được đẩy mạnh và đem lại hiệu quả to lớn. Nhiều di sản văn hoá được giới thiệu rộng rãi và thường xuyên trên các phương tiện thông tin đại chúng ở Trung ương và địa phương.

Việc bảo tồn và phát huy giá trị các di sản văn hoá của quê hương, đã góp phần nâng cao đời sống văn hoá tinh thần cho nhân dân, tạo nên nguồn nội lực to lớn, góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu kinh tế – xã hội hàng năm của tỉnh và các địa phương. Những di sản văn hoá vật thể và phi vật thể đã tạo nên các địa điểm du lịch nổi tiếng cho du khách khi đến Quảng Bình.



1. Hãy nêu những biện pháp bảo tồn và phát huy giá trị các di sản văn hoá trên địa bàn tỉnh Quảng Bình đã được nói đến trong thông tin.
2. Xã/ huyện em ở có những di sản văn hoá nào? Hãy nêu một số việc làm cụ thể mà em có thể thực hiện nhằm bảo tồn và phát huy giá trị của các di sản văn hoá ở quê hương.



1. Lập bảng thống kê các di sản văn hoá tiêu biểu ở Quảng Bình theo mẫu sau:

Tên di sản	Địa điểm	Đặc điểm nổi bật
?	?	?
?	?	?
?	?	?

2. Xây dựng dự án giới thiệu về di sản văn hoá của tỉnh Quảng Bình.

TÊN DỰ ÁN:

1. Họ và tên (nhóm thực hiện):

2. Thời gian thực hiện:

3. Mục tiêu dự án:

4. Lập kế hoạch dự án:

– Phân công nhiệm vụ và chuẩn bị các nội dung

– Tìm hiểu các thông tin về di sản văn hoá

+ Tên di sản văn hoá

+ Vị trí (địa điểm) có di sản văn hoá

+ Đặc điểm của di sản văn hoá

+ Giá trị của di sản văn hoá đối với sự phát triển kinh tế, xã hội.

5. Các bước thực hiện dự án:

6. Trình bày kết quả và đánh giá:



Em hãy lựa chọn một trong hai nhiệm vụ sau và thực hiện:

1. Thiết kế poster (áp phích) giới thiệu về một di sản văn hoá của tỉnh Quảng Bình theo gợi ý sau:

1

Suy nghĩ và đưa ra các ý tưởng, lựa chọn chủ đề và nội dung thiết kế (di sản văn hoá nào, địa điểm ở đâu,...), vật liệu để thiết kế poster.

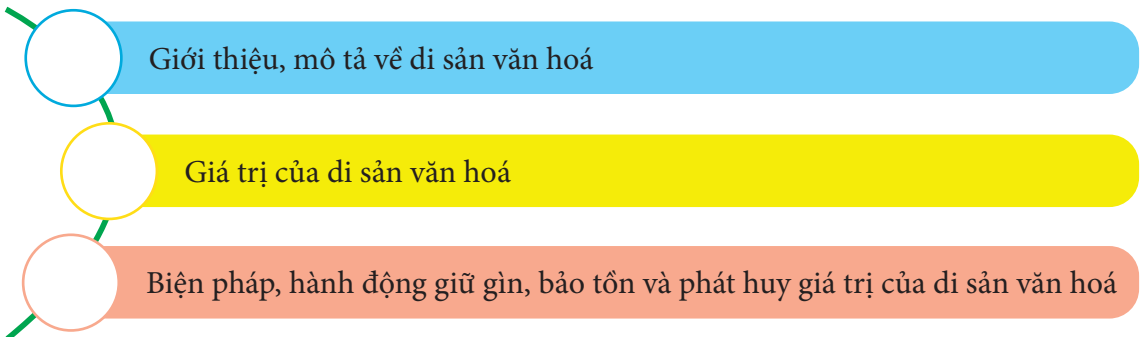
2

Thiết kế poster

3

Triển lãm sản phẩm thiết kế

2. Viết một bài giới thiệu về di sản văn hoá nơi em ở/ em biết dựa vào gợi ý sau:



Bài 4. LỄ HỘI ĐUA, BƠI THUYỀN TRÊN SÔNG KIẾN GIANG

Học xong bài này em sẽ:

- Giới thiệu khái quát được về lễ hội: thời gian, địa điểm tổ chức và nguồn gốc của lễ hội.
- Mô tả được các hoạt động chính của lễ hội.
- Tìm hiểu thêm được các lễ hội khác ở các địa phương trong tỉnh.
- Tự hào về lễ hội truyền thống của địa phương.



Quan sát các bức hình sau và trả lời câu hỏi:



Hình 4.1



Hình 4.2



1. Người mặc áo xanh trong hình 4.1 đang thực hiện hành động gì?
2. Em nhận xét gì về hoạt động trong hình 4.2?
3. Theo em, lễ hội nào ở tỉnh Quảng Bình được nói đến từ những hoạt động trong các hình trên?



Lễ hội bơi, đua thuyền trên sông Kiến Giang, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình được tổ chức thường niên vào ngày “tết Độc lập” mồng 2, tháng 9 hàng năm. Tương truyền, trước đây, vào dịp hè hằng năm, sông Kiến Giang đều khô cạn nước bởi hạn hán, nhưng cứ đến tháng 8 là có mưa, nước sông dâng đầy, ruộng đồng cũng ngập nước, chim muông, cá, thú tràn đồng. Nước mưa lũ đã cuốn quét sâu bọ, mang phù sa bồi đắp để giúp việc sản xuất thuận lợi hơn. Đó là lúc dân làng khắp nơi mở hội đua thuyền ăn mừng. Lễ hội xuất phát từ hội bơi, đua của làng, của tổng với mục đích cầu cho mưa thuận, gió hoà mùa màng bội thu; thi thố sức trai, sức gái để chuẩn bị vật lộn với mùa mưa bão, chế ngự thiên nhiên.

Sau ngày Cách mạng tháng Tám, năm 1945 thành công, ngày 2/9/1946, nhân dân Lệ Thủy đã tổ chức “ăn tết Độc lập” và “Lễ hội bơi, đua thuyền” với quy mô cấp huyện. Có thể nói, Lễ hội bơi, đua thuyền truyền thống trên sông Kiến Giang nói riêng và ngày tết Độc lập 2/9 nói chung là một dịp đặc biệt trong năm của người dân quê lúa huyện Lệ Thủy, bên cạnh ngày tết Nguyên đán. Trong dịp này, hầu hết các gia đình ở Lệ Thủy đều bày hương hoa, bánh trái và các loại quả sản vật địa phương như: cam, bưởi, dâu để cúng ông bà, tổ tiên, tưởng nhớ đến công lao trời biển của Bác Hồ, của Đại tướng Võ Nguyên Giáp và những người đi trước đã hi sinh giành độc lập cho dân tộc.

Từ đó đến nay, cứ vào ngày 2/9 hằng năm, sông Kiến Giang lại dậy vang tiếng reo hò, tiếng trống, tiếng mõ với những màn tranh đua quyết liệt của các thuyền đua trên sông và trở thành một món ăn tinh thần không thể thiếu của người dân nơi đây. Không biết tự bao giờ, ở vùng quê lúa này xuất hiện câu ca mang âm hưởng phấn chấn tươi vui, tung bừng lễ hội miền sông nước:

*Dù ai đi Tây về Đông
Mồng 2 tháng 9 cũng mong về nhà
Về nhà xem hội quê ta
Dưới sông bơi trải, nhà nhà cờ bay.*

Để có được một chỗ đứng vừa xem được buồm phao (xuất phát) và về đích, nhiều người xem tập trung về phố huyện từ tờ mờ sáng. Lễ khai mạc diễn ra với màn diễu hành trên sông của các đội thuyền bơi, đua tham gia thi đấu cùng với đội ngũ thuyền trang trí của các ngành, đơn vị trong huyện.

Quãng đường tranh tài khoảng 24 km dành cho thuyền trai bơi và 18 km dành cho thuyền đua nữ, lấy ngã ba Mũi Viết (Thượng Phong) làm điểm buồm phao xuất phát và về đích. Niềm hứng khởi còn lan toả xuống tận từng thôn, xóm dọc đôi bờ sông Kiến Giang

nơi có đoàn đua đi qua với rợp trời cờ hoa, băng rôn, biểu ngữ cổ động đua thuyền; loa phát thanh tường thuật trực tiếp từng diễn biến của ngày lễ hội. Một không khí hân hoan vang dậy từ đầu nguồn đến cuối nguồn con sông Kiến Giang trong ngày tết Độc lập.

Lễ hội bơi, đua thuyền trên sông Kiến Giang từ lâu đã trở thành một hoạt động mang nét đẹp truyền thống, văn hoá của người dân Lệ Thuỷ trong ngày Quốc khánh.

Lễ hội nhằm tưởng nhớ công ơn của Bác Hồ và những người anh hùng dân tộc, nhắc nhở mỗi người về đạo lí “uống nước nhớ nguồn”; mang ý nghĩa rèn luyện sức khoẻ, thi thố tài năng của trai bơi, gái đua và cầu mong một năm mưa thuận, gió hoà, mùa màng bội thu. Ngoài ra, lễ hội còn nhằm khơi dậy tinh thần đoàn kết dân tộc, tinh thần thượng võ trên quê hương Đại tướng Võ Nguyên Giáp. Với những ý nghĩa đó, ngày 27/8/2019, Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch đã ký quyết định đưa lễ hội đua, bơi thuyền trên sông Kiến Giang vào danh mục Di sản văn hoá phi vật thể Quốc gia.

(Theo <https://phongnhaexplorer.com/thong-tin-du-lich-quang-binh>)



Hình 4.3. Lễ hội đua thuyền truyền thống trên sông Kiến Giang



1. Từ thông tin trong văn bản, em hãy tìm hiểu về lễ hội đua, bơi thuyền trên sông Kiến Giang theo gợi ý sau:

STT	Thời gian	Nguồn gốc	Địa điểm	Hoạt động chính	Ý nghĩa
?	?	?	?	?	?
?	?	?	?	?	?

2. Em có nhận xét gì về không khí của lễ hội đua, bơi thuyền trên sông Kiến Giang? Tìm những chi tiết, hình ảnh trong văn bản thể hiện điều đó.

3. Em thích nhất điều gì ở lễ hội đua, bơi thuyền trên sông Kiến Giang? Vì sao?



Đọc văn bản và thực hiện yêu cầu dưới đây:

Đến hẹn lại lên, hàng năm, cứ vào dịp Cách mạng tháng Tám và Quốc khánh 2/9, huyện Tuyên Hoá lại tổ chức giải đua thuyền truyền thống trên sông Gianh. Đây là hoạt động chào mừng ngày tết Độc lập của dân tộc và phát triển phong trào *Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại*.

Giải đua thuyền truyền thống huyện Tuyên Hoá được tổ chức vào dịp tết Độc lập của dân tộc luôn diễn ra kịch tính, là cuộc đua giữa các địa phương có phong trào đua thuyền phát triển, thu hút đông đảo người dân tham gia cổ vũ. Do đó, để đạt kết quả cao, ngay từ giữa tháng Tám, đội thuyền các xã đã có kế hoạch chu đáo về phương tiện, nhân lực để tập luyện cho giải đua thuyền truyền thống của huyện.

Kể từ năm 1984 đến nay, huyện Tuyên Hoá đã rất nhiều lần tổ chức giải đua thuyền giữa các xã. Tham gia tranh giải thưởng là đội thuyền các xã Thuận Hoá, Đồng Hoá, Thạch Hoá, Đức Hoá, Phong Hoá, Mai Hoá, Châu Hoá, Tiến Hoá và Văn Hoá. Các đội đua thường được chia thành ba bảng thi đấu với cự ly 2.000 m trên đoạn sông Gianh chảy qua địa phận xã Châu Hoá.

Vào ngày thi đấu, từ sáng sớm, khúc sông gần 2 km dọc theo cầu Châu Hoá đã chật kín người dân đến xem và cổ vũ. Trên mặt sông, trừ đường đua được ban tổ chức phân luồng bảo vệ, hàng chục chiếc thuyền chở theo trống kèn, cờ hoa rộn ràng tiếng reo hò. Trên cầu Châu Hoá, người xem đứng chen chân, nóng lòng chờ đợi giây phút xuất phát để cổ vũ cho đội đua của địa phương mình. Bên bờ sông, tiếng hò hét, cổ vũ của đông đảo người xem đã tạo nên không khí lễ hội đua thuyền thật hào hứng, sôi động. Tiếng trống, tiếng hò đồng lòng quyết tâm của các vận động viên đua thuyền nhộn nhịp cả khúc sông hoà cùng những cánh tay khoát mái chèo mạnh mẽ đưa con thuyền lướt nhanh trên mặt nước.

Trên tinh thần thể thao cao thượng, giải đua thuyền chào mừng ngày Tết Độc lập hàng năm đều để lại ấn tượng đẹp trong lòng nhân dân và trở thành niềm vui, niềm tự hào của người dân Tuyên Hoá dọc sông Gianh. Giải đua thuyền truyền thống huyện Tuyên Hoá là hoạt động văn hoá nhằm giáo dục truyền thống, nâng cao ý thức và niềm tự hào dân tộc cho các thế hệ thanh, thiếu niên. Bên cạnh đó, giải cũng nhằm mục đích duy trì và phát triển phong trào rèn luyện thể thao nhằm nâng cao sức khỏe, để khi trở về với cuộc sống đời thường, những tay chèo trong các đội đua cũng đồng thời là lực lượng nòng cốt tham gia lực lượng cứu hộ, cứu nạn trong mùa mưa lũ.

(Theo X.Phú, <https://www.baoquangbinh.vn>)



1. Văn bản trên đã cung cấp cho em những thông tin gì về giải thể thao đua thuyền trên sông Gianh?
2. Theo em, điểm khác biệt cơ bản nhất giữa giải thể thao đua thuyền trên sông Gianh và Lễ hội đua, bơi thuyền trên sông Kiến Giang là gì?
3. Em hãy viết một đoạn văn (khoảng 10 đến 12 câu) giới thiệu về một lễ hội được tổ chức ở địa phương em.



1. Đóng vai hướng dẫn viên du lịch giới thiệu với cả lớp về một lễ hội truyền thống tại địa phương em.
2. Lắng nghe bạn chia sẻ ấn tượng về lễ hội truyền thống ở địa phương sau lời giới thiệu của em.

Bài 5. HỘI RẦM THÁNG BA MINH HOÁ

Học xong chủ đề này, em sẽ:

- Giới thiệu khái quát được về lễ hội: thời gian, địa điểm tổ chức và nguồn gốc của lễ hội.
- Mô tả được các hoạt động chính của lễ hội.
- Nêu được giá trị của lễ hội.
- Tự hào và có ý thức bảo tồn lễ hội truyền thống của địa phương.



1. Em hãy kể tên những lễ hội truyền thống ở Quảng Bình mà em biết.
2. Những lễ hội mà em đã kể tên diễn ra ở những địa phương nào trong tỉnh Quảng Bình? Em còn nhớ những lễ hội đó được xếp vào nhóm lễ hội nào không?



(1) Hội Rầm tháng Ba của cộng đồng người dân huyện Minh Hoá (một huyện miền núi rẻo cao nằm ở phía tây tỉnh Quảng Bình) được diễn ra từ ngày 10 đến 15 tháng 3 âm lịch. Đây là khoảng thời gian mùa xuân chuyển sang mùa hạ, tiết trời đẹp nhất trong năm. Lễ hội không chỉ giới hạn trong một làng, một xã, một dân tộc hay tộc người mà dành cho tất cả dân cư sinh sống ở vùng đất này. Lễ hội hội tụ cả 3 yếu tố, gồm: lễ - hội - chợ.



Hình 5.1. Biểu diễn văn nghệ tại Hội Rầm tháng Ba Minh Hoá

Hội Rầm tháng Ba có từ bao giờ, đến nay vẫn chưa có một cứ liệu nào có thể khẳng định một cách cụ thể về thời gian và sự tích hình thành. Thế nhưng từ bao đời nay, lễ hội

đã đi vào tâm thức của người dân Minh Hoá và trở thành sinh hoạt văn hoá cộng đồng, kết tinh nét văn hoá đặc sắc của một vùng quê sơn cước.

(2) Mở đầu lễ hội là lễ rước lư hương từ thác Bụt, một địa chỉ linh thiêng về chùa Quy Đạt. Đi đầu đám rước là 4 chàng trai ăn mặc chỉnh tề, quần quần xà cạp, áo trắng viền đỏ, theo sau là 12 chàng trai khác cầm 12 lá cờ Phật, kế tiếp là kiệu của ông Từ (chủ lễ), ở giữa hai kiệu là tấm đồ tượng trưng cho ruột Đường Tằng, cầm tấm vải đỏ là 4 vị sư sãi, sau đó là các chức sắc địa phương và 6 vị quan tăng (6 vị hộ tống ông Từ), cuối cùng theo đoàn là đông đảo già trẻ, gái trai trong vùng. Đám rước kéo dài khoảng 30 phút, đi vòng quanh chùa một vòng trước khi vào chùa tế lễ cầu nguyện cho cuộc sống ấm no, hạnh phúc, đoàn kết và mùa màng bội thu. Lễ vật cúng tế gồm: hoa trái, xôi chè, bánh, hương đèn, trầu rượu. Tế lễ xong, dân làng vây quanh hò hát bày tỏ lòng tôn kính thần linh.

(3) Sau khi kết thúc phần lễ, phần hội được bắt đầu rất sôi động mang đậm nét văn hoá của cư dân vùng sơn cước Minh Hoá. Các hoạt động văn hoá dân gian như: hát ví dặm (hát đối đáp), hát sắc bùa, hát nhà trò, hò thuốc, chơi đu, nhảy sạp, cà kheo, bắn nỏ, kéo co, đẩy gậy, cờ thẻ, ném xoang,... diễn ra trong không khí đầy hào hứng. Đặc biệt là dân làng khắp nơi trong vùng đổ về chợ Sặt (phiên chợ rằm) để mua sắm, trao đổi những sản phẩm giản dị do bàn tay lao động của các dân tộc anh em trên địa bàn huyện Minh Hoá làm ra và nhiều món ăn truyền thống



Hình 5.2. Trưng bày sản phẩm địa phương trong Hội Rằm tháng Ba Minh Hoá

đặc trưng của người dân Minh Hoá như: ốc suối luộc, bồi ngô chấm mật ong rừng, khoai môn,... Quan trọng hơn đây còn là nơi gặp gỡ, hò hẹn của các chàng trai, cô gái vùng cao này. Đêm trước diễn ra phiên chợ, thanh niên khắp nơi đổ về Quy Đạt mong muốn tìm được duyên mới tại phiên chợ duy nhất trong năm. Họ vui chơi suốt đêm, thưởng thức những món ăn đặc sản của địa phương, hát múa giao duyên dưới ánh trăng rằm, nhiều cặp nam nữ dù ở cách xa nhau hàng ngàn dặm núi, nhưng qua hội chợ rằm nhiều đôi trai tài, gái sắc đã nên vợ thành chồng, nên nhiều người vẫn gọi chợ rằm tháng ba là “Chợ tình”.

(4) Hội Rằm tháng Ba được tổ chức hằng năm khá bài bản với nhiều hoạt động nhằm bảo tồn và phát huy cả nội dung lẫn hình thức, phản ánh sinh động đời sống sinh hoạt của nhân dân trong toàn huyện, tạo nên sự bền chặt, đoàn kết, gắn bó của cộng đồng các dân tộc ở miền Tây, tỉnh Quảng Bình. Trải qua thời gian, Lễ hội Rằm tháng Ba cùng với các

làn điệu dân ca như: điệu hò thuốc, điệu đúm ví và điệu ru con đã trở thành nét văn hoá truyền thống không thể thiếu trong cuộc sống được người dân Minh Hoá gìn giữ từ bao đời nay. Đã là người dân Minh Hoá dù đi đâu, ở đâu cũng không thể nào quên ngày rằm tháng ba, bởi thế mới có câu “Thà rằng đau ốm mà nằm. Không ai nỡ bỏ chợ rằm tháng ba...”. Với sự độc đáo mang tính chất văn hoá vùng miền và những ý nghĩa đối với đời sống tinh thần của nhân dân Quảng Bình, năm 2004, Lễ hội Rằm tháng Ba Minh Hoá được công nhận là Lễ hội văn hoá cấp tỉnh.

(Theo <https://www.baoquangbinh.vn>)



1. Xác định nội dung chính của các đoạn (1); (2); (3); (4) trong văn bản trên.
2. Nêu những hoạt động chính diễn ra trong phần lễ và phần hội của Lễ hội Rằm tháng ba Minh Hoá. Em có nhận xét gì qua những hoạt động này?

Phần lễ	Phần hội	Nhận xét của em
?	?	?
?	?	

3. Đọc đoạn thứ (4) trong văn bản và cho biết Hội Rằm tháng Ba Minh Hoá có ý nghĩa như thế nào trong đời sống tinh thần của người dân nơi đây?



Đọc văn bản và thực hiện yêu cầu bên dưới:

SỰ TÍCH VỀ HỘI RẪM THÁNG BA MINH HOÁ

Đến hẹn lại lên, cứ vào vào dịp rằm tháng Ba âm lịch hàng năm, du khách thập phương và người dân Minh Hoá từ khắp mọi miền quê đều nô nức tìm về thị trấn Quy Đạt để hoà mình vào không khí tung bừng của lễ – hội và chợ rằm.

Theo những bậc cao niên kể lại, Hội Rằm tháng Ba ở Minh Hoá có xuất xứ từ câu chuyện 2 anh em một nhà nông ở làng Yên Đức, xã Yên Hoá đi tìm mật ong trên lèn Ông Ngoi. Lên đến đỉnh họ gặp một giếng nước trong vắt, cạnh giếng có một cây quýt trĩu quả. Dưới bóng cây râm mát có 12 hòn đá giống hình ông Bụt. Bên cạnh có bàn đá bằng phẳng như bàn cờ tướng và trên đó có những quân cờ cũng bằng đá. Hai anh em nghỉ ngơi, ăn quýt và ngắm nhìn những tượng đá. Thấy lạ, người anh dùng dây rừng buộc lấy một hòn đá và mang xuống núi, đến thác Cúi họ đặt tượng đá xuống tắm rửa. Nhưng lạ thay khi tắm xong, người anh đến nhắc tượng đá lên để mang về thì không sao nhắc nổi. Bực mình vì tiếc công mang, anh ta liền dùng rựa ghè sút môi tượng đá, hậu quả là dòng họ của

người anh trong nhiều đời liên tục đều có một người bị sút môi, hở hàm ếch. Khi tượng đá xuất hiện ở thác Cúi chưa được bao lâu thì làng Yên Đức sinh ra nhiều dịch bệnh, chim muông, thú dữ về phá hoại mùa màng và bắt gia súc, gia cầm. Dân làng lập đàn khấn vái thì một người ứng đồng tự xưng là Bụt hiện đang ở thác Cúi và đòi lập đàn thờ.

Nghe vậy, dân làng làm theo và tự nhiên dịch bệnh tiêu tan, mùa màng tươi tốt, nhà nhà trở lại yên ấm. Từ đó, tại đàn thờ ở thác Cúi hàng ngày có rất nhiều người đến cầu nguyện. Ở chỗ đặt tượng đá, dân làng đã dọn sạch cây bụi, làm một cái sàn nhỏ bằng gỗ bện dây rừng để đặt lễ vật khi cầu cúng. Lễ vật tùy tâm, có thể chỉ là miếng trầu, lá thuốc, xôi oản,... nhưng phải thật tinh sạch.

Tiếng đồn về sự linh thiêng của Bụt và sự đặc nghiệm sau khi cầu khấn lan ra các huyện, các tỉnh lân cận đã thu hút người khắp nơi kéo về nườm nượp. Do vậy, thác Cúi trở nên chật chội và bất tiện cho việc cầu cúng nên dân làng Yên Đức đã góp tiền, góp gạo, thuê dựng chùa ở phía nam dốc Cảng cho gần làng hơn để tiện việc tế lễ, gọi là chùa Rú Vàng (Tú Vàng). Có chùa nhưng không có sư, mà chỉ có các ông sãi, ông từ coi giữ, quét dọn và làm lễ cầu cúng cho mọi người. Lúc đầu, lễ cầu cúng được thực hiện liên tục hàng ngày, sau đó để thuận lợi hơn cho mọi người, dân làng đặt ra lệ chỉ làm lễ cầu nguyện chung mỗi năm một lần vào ngày rằm tháng Ba cho đến bây giờ.

(Theo <https://thanhnien.vn>)



1. Theo văn bản, vì sao Hội Rằm tháng Ba Minh Hoá ra đời? (trả lời ngắn gọn trong khoảng 3 đến 4 câu).
2. Em có nhận xét gì về câu chuyện lí giải nguồn gốc ra đời của Hội Rằm tháng Ba Minh Hoá được kể ở trên?
3. Hãy kể tên một số lễ hội được tổ chức tại địa phương Minh Hoá mà em biết.
4. Bằng lời văn của mình, em hãy kể lại nguồn gốc, sự ra đời của một lễ hội truyền thống ở Quảng Bình mà em đã tìm hiểu được.



1. Đóng vai người chủ trì một trò chơi trong lễ hội, em hãy giới thiệu và thuyết phục các bạn cùng tham gia trò chơi.
2. Lắng nghe những chia sẻ của các bạn về những trò chơi dân gian trong các lễ hội mà các bạn yêu thích.

Bài 6. BẢO TỒN VÀ PHÁT HUY GIÁ TRỊ CÁC LỄ HỘI VĂN HOÁ TRUYỀN THỐNG Ở TỈNH QUẢNG BÌNH

Học xong chủ đề này, em sẽ:

- Nhận biết được nét đẹp cần bảo tồn và phát huy ở các lễ hội truyền thống tại địa phương.
- Nêu được thực trạng của lễ hội truyền thống ở tỉnh Quảng Bình và đề xuất biện pháp bảo tồn, phát huy lễ hội truyền thống của địa phương.
- Hiểu được vai trò, ý nghĩa của các lễ hội truyền thống đối với việc phát triển kinh tế – xã hội ở Quảng Bình.
- Xây dựng được kế hoạch để tìm hiểu các lễ hội ở địa phương.
- Thể hiện ý thức bảo tồn và phát huy các lễ hội truyền thống tốt đẹp ở địa phương qua các hoạt động cụ thể.



Quan sát các bức hình sau và trả lời câu hỏi:



Hình 6.1.



Hình 6.2.



1. Ở mỗi bức hình, mọi người đang thực hiện hành động gì?
2. Em thử đoán xem, đây là hình ảnh của lễ hội nào ở Quảng Bình?



Cũng như cư dân ở các địa phương khác, đối với đồng bào các dân tộc ở Quảng Bình, lễ hội là một hoạt động văn hoá tinh thần tồn tại từ xưa đến nay. Mảnh đất Quảng Bình từ lâu đã trở thành môi trường để từ đó sinh thành các lễ hội dân gian đa dạng về mặt loại hình và giá trị về mặt ý nghĩa.

Lễ hội ở Quảng Bình là dịp để con cháu tưởng nhớ những bậc hiền tài có công với làng nước, tưởng nhớ tổ tông, dòng tộc và là dịp để họ cầu mong thần linh phù hộ cho mưa thuận, gió hoà, mùa màng bội thu, nghề nghiệp phát đạt, làng quê yên bình. Đồng thời, lễ hội còn là biểu hiện sức mạnh cộng đồng để qua đó mà ý thức làng xã, truyền thống đoàn kết càng được củng cố trong lao động và trong đời sống kinh tế, văn hoá, xã hội. Ngoài ra, lễ hội cũng là dịp để mọi người cùng nhau vui chơi và thưởng thức các giá trị văn hoá truyền thống. Lễ hội truyền thống Quảng Bình trở thành một thành tố quan trọng để góp phần tạo nên bản sắc văn hoá Việt Nam.

Qua nghiên cứu của các nhà khoa học và công tác thống kê điển dã, lễ hội dân gian ở Quảng Bình khá phong phú và đa dạng. Tuy nhiên, do vị trí địa lý đặc thù, cùng với các biến thiên lịch sử mà trên thực tế, nhiều lễ hội dân gian ở Quảng Bình đã bị mai một hoặc bị lãng quên trong đời sống cộng đồng. Một số lễ hội còn tồn tại thì quy mô ít hoành tráng, thời gian lễ hội ngắn, không gian lễ hội lại bó hẹp,... Mặt khác, trong xu thế hội nhập, những luồng văn hoá khác nhau xâm nhập vào đời sống xã hội cũng gây ảnh hưởng, tác động nhiều mặt đến văn hoá truyền thống. Đáng chú ý là nguy cơ phai mờ, biến dạng bản sắc nguyên gốc của lễ hội. Dù vậy, với một số lễ hội dân gian còn lại, đủ để phản chiếu một phần diện mạo đời sống văn hoá của ông cha xưa.

Lễ hội truyền thống vừa là bản sắc một vùng đất, cũng đồng thời là điều kiện, động lực để góp phần phát triển kinh tế. Chính vì vậy, bảo tồn và phát huy những giá trị của lễ hội truyền thống trở thành trách nhiệm của mỗi công dân ở vùng đất ấy. Căn cứ vào thực tế về hoạt động tổ chức lễ hội tại Quảng Bình, để bảo tồn và phát huy giá trị của lễ hội truyền thống, có thể tập trung vào những vấn đề chính sau:

- Tăng cường trách nhiệm của các cấp quản lý từ tỉnh đến huyện và cơ sở để tập trung bảo tồn, nâng cao năng lực tự bảo vệ trước nguy cơ mai một của lễ hội.
- Đầu tư, nghiên cứu nguồn gốc của lễ hội và đặc điểm mang tính chất đặc trưng của lễ hội ở mỗi làng, xã để đưa ra quy chế tổ chức và quản lý lễ hội một cách phù hợp.
- Tổ chức kiểm kê lễ hội, giới thiệu, quảng bá các giá trị của lễ hội để khuyến khích việc bảo tồn các giá trị văn hoá. Đồng thời, tôn vinh vai trò của các nghệ nhân, những

người đang nắm giữ, thực hành lễ hội để các lễ hội trên địa bàn, thật sự trở thành nguồn lực tinh thần của quê hương, đất nước.

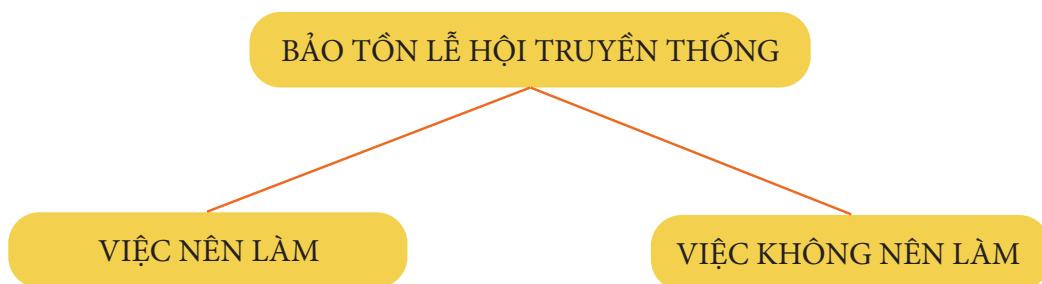
– Xây dựng các trung tâm văn hoá của làng như: đình làng, nhà văn hoá để làm nơi tổ chức lễ hội để giữ cho không khí lễ hội được trang nghiêm và môi trường diễn ra lễ hội phù hợp với mục đích tổ chức.

– Gắn lễ hội với các hoạt động du lịch. Mở rộng không gian lễ hội thành những sinh hoạt văn hoá liên làng, liên vùng để hoạt động tại lễ hội trở thành sản phẩm du lịch độc đáo.

Ngoài những giải pháp mang tính tập thể, mỗi cá nhân đều phải tự ý thức về trách nhiệm của mình trong việc tuyên truyền các giá trị văn hoá truyền thống của lễ hội. Có như vậy, lễ hội dân gian của Quảng Bình mới có thể phát triển với quy mô rộng rãi hơn và ý nghĩa hơn trong xã hội hiện đại.



1. Vì sao cần phải bảo tồn và phát huy các lễ hội truyền thống ở Quảng Bình?
2. Theo văn bản, cần có những giải pháp nào để bảo tồn và phát huy giá trị các lễ hội truyền thống ở Quảng Bình?
3. Từ góc nhìn của một học sinh, em hãy đề xuất một số ý tưởng để bảo tồn và phát huy giá trị các lễ hội truyền thống ở Quảng Bình.



1. Khảo sát các lễ hội truyền thống ở địa phương

a. Lập kế hoạch thu thập thông tin về các lễ hội truyền thống ở địa phương theo mẫu sau:

STT	Lễ hội	Thời gian	Địa điểm	Ý nghĩa
?	?	?	?	?
?	?	?	?	?

b. Thực hiện các việc làm để thu thập thông tin

- Tìm hiểu qua sách, báo, internet.
- Tìm hiểu qua phỏng vấn.

c. Tổng hợp và trình bày kết quả

- Báo cáo và tổng hợp thông tin trong nhóm.
- Trình bày kết quả trước lớp.
- Lựa chọn lễ hội để trải nghiệm.

2. Xây dựng kế hoạch trải nghiệm

a. Thực hiện xây dựng kế hoạch theo gợi ý sau:

NHÓM:

Mục tiêu cần đạt được:

Thời gian và địa điểm thực hiện hoạt động:

Dự kiến các hoạt động của buổi trải nghiệm (theo trình tự):

Những điểm cần lưu ý khi thực hiện:

Chuẩn bị cho hoạt động:

Phân công nhiệm vụ cho các thành viên:

STT	Tên thành viên	Nhiệm vụ
1	?	?
...	?	?

b. Chia sẻ, chỉnh sửa và hoàn thiện kế hoạch

- Các nhóm trình bày kế hoạch.
- Góp ý và chỉnh sửa kế hoạch cho phù hợp với thực tế ở địa phương.



Em hãy tìm hiểu và trao đổi về chủ đề: lễ hội truyền thống và sự phát triển kinh tế du lịch của địa phương.

Gợi ý: đóng vai phóng viên thực hiện cuộc phỏng vấn; thực hiện dự án tìm hiểu về chủ đề...

Bài 7. ĐẶC ĐIỂM DÂN CƯ TỈNH QUẢNG BÌNH

Học xong bài này em sẽ:

- Trình bày được những đặc điểm chung về dân cư tỉnh Quảng Bình.
- Kể tên các dân tộc sinh sống ở tỉnh Quảng Bình.
- Nhận xét được bảng số liệu và biểu đồ về dân số của tỉnh Quảng Bình.
- Thực hiện được một dự án học tập: sưu tầm thông tin, hình ảnh,... để giới thiệu một dân tộc sinh sống trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.



Dân cư là tập hợp người cư trú trên một lãnh thổ nhất định. Vậy dân cư tỉnh Quảng Bình có những đặc điểm gì?



1. Dân số và gia tăng dân số

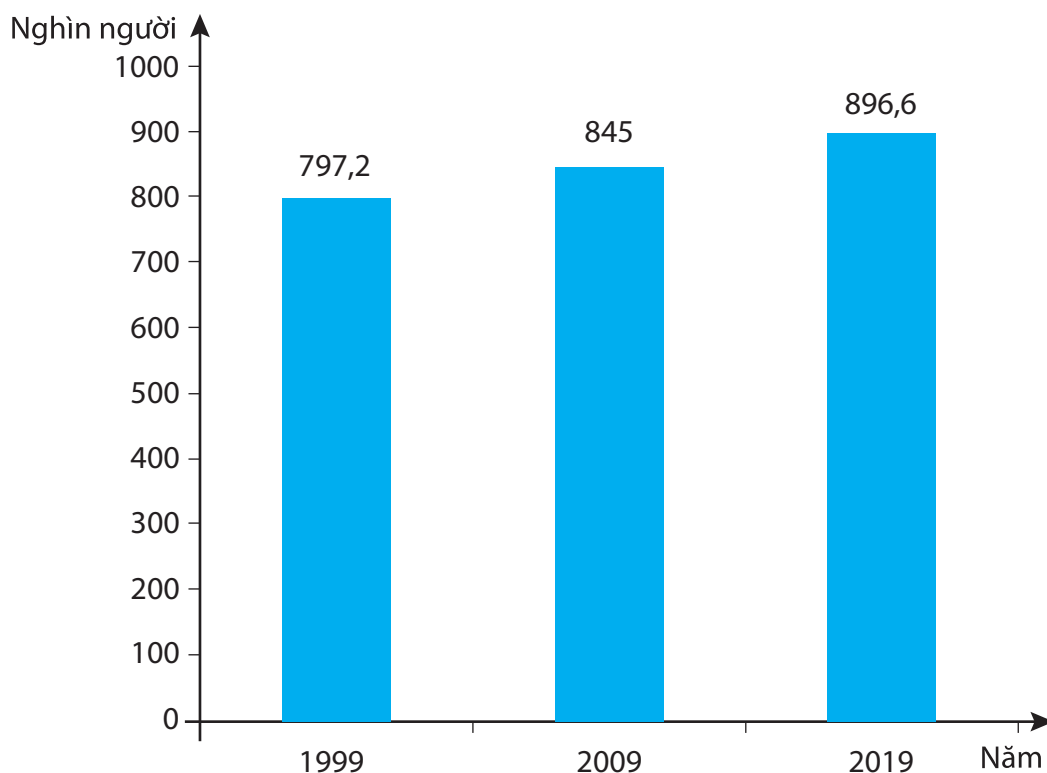
Quảng Bình là tỉnh có quy mô dân số trung bình (năm 2020, dân số của cả nước là: 97,58 triệu người; tỉnh Quảng Bình là 901.984 người), trong các đơn vị hành chính của tỉnh thì huyện Bố Trạch, huyện Lệ Thủy và thành phố Đồng Hới có quy mô dân số trên 130 nghìn người.

Bảng 7.1. Quy mô dân số tỉnh Quảng Bình năm 2020 phân theo huyện, thị xã, thành phố

	Dân số (người)
Tổng số	901 984
Thành phố Đồng Hới	136 078
Thị xã Ba Đồn	107 267
Huyện Minh Hoá	51 155
Huyện Tuyên Hoá	77 845
Huyện Quảng Trạch	111 018
Huyện Bố Trạch	189 316
Huyện Quảng Ninh	91 495
Huyện Lệ Thủy	137 810

(Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Quảng Bình năm 2021)

Dân số tăng liên tục qua các năm:



Hình 7.1. Dân số tỉnh Quảng Bình giai đoạn 1999 – 2019



Dựa vào biểu đồ hãy nhận xét sự thay đổi quy mô dân số tỉnh Quảng Bình giai đoạn 1999 – 2019.

Bảng 7.2. Tỷ lệ gia tăng dân số của tỉnh Quảng Bình, giai đoạn 2009 – 2020

(Đơn vị: %)

Năm	2009	2016	2018	2019	2020
Tỷ lệ gia tăng dân số	0,58	0,58	0,61	0,61	0,60

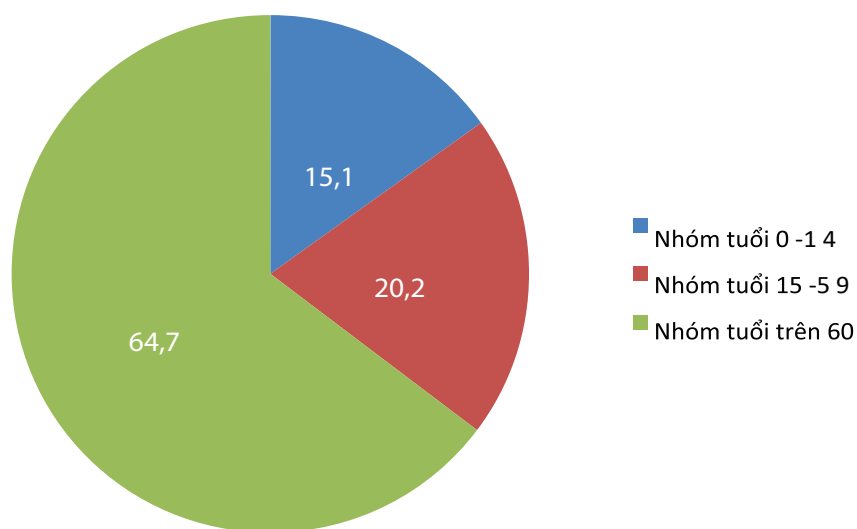
(Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Quảng Bình năm 2021)

Thực hiện kế hoạch hoá gia đình, tỷ lệ gia tăng dân số tự nhiên của Quảng Bình hiện nay khá ổn định và ở mức thấp (năm 2015, tỷ lệ gia tăng dân số tự nhiên là 1,049%; 2020: 1,088%).

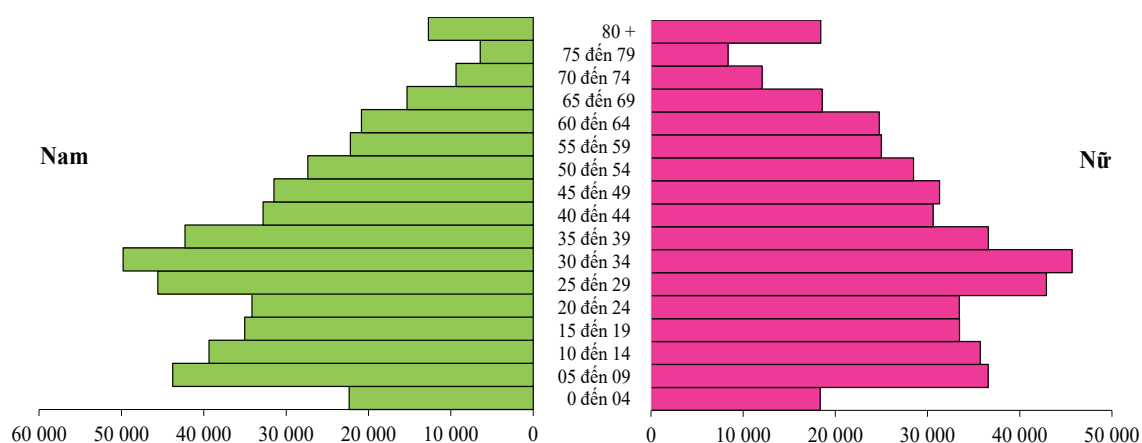
2. Cơ cấu dân số

a. Cơ cấu sinh học

Theo độ tuổi



Hình 7.2. Cơ cấu dân số theo nhóm tuổi của tỉnh Quảng Bình năm 2021



Hình 7.3 Tháp dân số tỉnh Quảng Bình năm 2021



Dựa vào hình 7.2 và 7.3 em hãy nhận xét cơ cấu dân số theo độ tuổi của tỉnh Quảng Bình.

Theo giới tính

Bảng 7.3. Cơ cấu dân số Quảng Bình phân theo giới tính giai đoạn 1999 – 2020
(Đơn vị: %)

Năm	Nam	Nữ
1999	49,45	50,55
2009	50,09	49,91
2019	50,21	49,79
2020	50,21	49,79

(Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Quảng Bình năm 2021)



Em nhận xét gì về cơ cấu dân số tỉnh Quảng Bình phân theo giới tính trong giai đoạn 1999 – 2020?

b. Cơ cấu xã hội

Theo lao động

Năm 2020, lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên là 505 258 người, chiếm 56,01% so với tổng số dân.

Theo trình độ văn hoá

Năm 2020, tỉ lệ người lớn biết chữ của tỉnh Quảng Bình đạt 98%. Tỉ lệ học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông đạt 97,28%, trong đó cao nhất là huyện Lệ Thuỷ (99,88%), thấp nhất là huyện Minh Hoá (87,60%).

Theo thành phần dân tộc

Trong cộng đồng các dân tộc tỉnh Quảng Bình, người Kinh có số dân đông nhất, với dân số là 870 298 người, chiếm 97,06% tổng dân số toàn tỉnh. Các dân tộc thiểu số hiện có 26 303 người dân tộc (chủ yếu là dân tộc Bru-Vân Kiều, Chứt, Tày, Thái, Mường,...), chiếm 2,94% tổng dân số toàn tỉnh (năm 2019).

Trong số các dân tộc thiểu số, dân tộc Bru-Vân Kiều và dân tộc Chứt có số dân đông nhất. Dân tộc Bru-Vân Kiều gồm 4 tộc người: Vân Kiều, Khùa, Ma Coong, Trì. Dân tộc Chứt gồm 5 tộc người: Sách, Mày, Rục, A Rem, Mã Liềng.



Hình 7.4. Trang phục truyền thống của phụ nữ Bru-Vân Kiều, xã Trường Sơn, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình

Địa bàn sinh sống chủ yếu của đồng bào dân tộc thiểu số là huyện Minh Hoá chiếm 42,6% dân tộc thiểu số của cả tỉnh; tiếp đến là huyện Lệ Thuỷ chiếm 21,5%; huyện Quảng Ninh chiếm 14,7%; huyện Bố Trạch chiếm 14,4%,...



Kể tên các thành phần dân tộc của tỉnh Quảng Bình. Địa phương em có những dân tộc nào?

3. Phân bố dân cư và các loại hình quần cư

a. Phân bố dân cư

Bảng 7.4. Mật độ dân số của tỉnh Quảng Bình và cả nước giai đoạn 1999 – 2020

(Đơn vị: người/km²)

Năm	1999	2009	2019	2020
Cả nước	231	259	290	295
Quảng Bình	99	105	112	113

(Nguồn: Niên giám thống kê năm 2021)



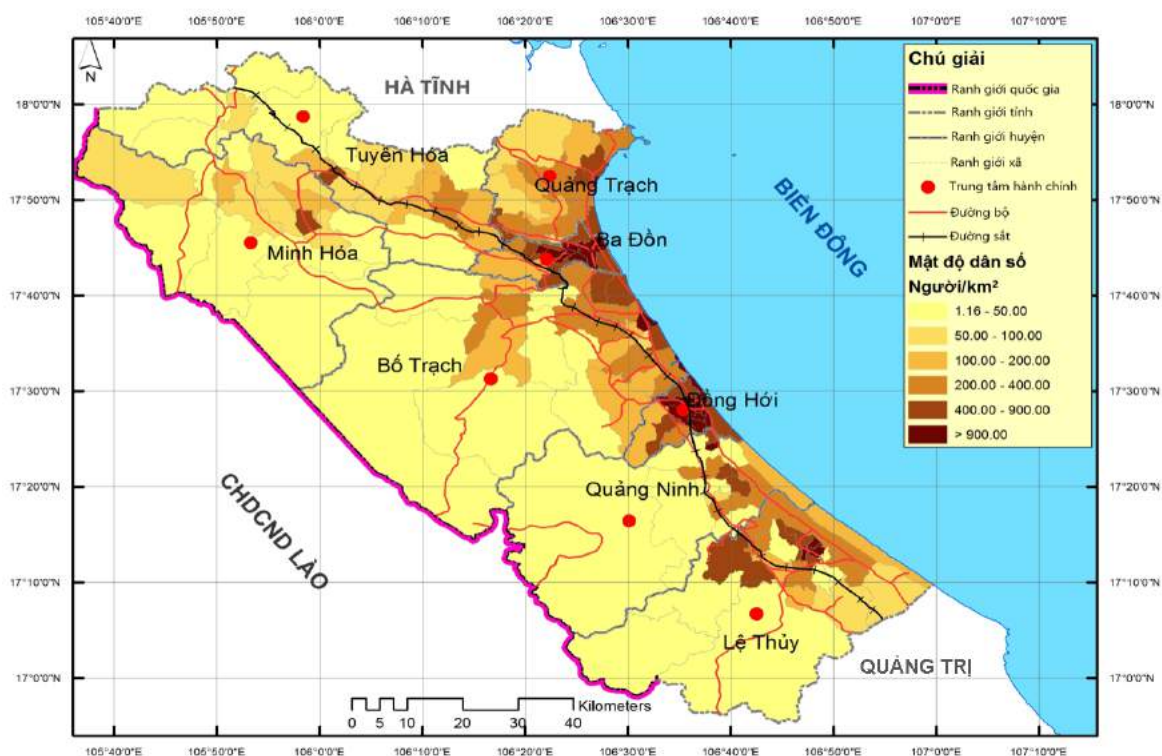
Em hãy so sánh về mật độ dân số của tỉnh Quảng Bình với cả nước giai đoạn 1999 – 2020?

Bảng 7.5. Mật độ dân số tỉnh Quảng Bình
giai đoạn 2009 – 2020 phân theo huyện, thị xã, thành phố

(Đơn vị: người/km²)

Năm	2009	2019	2020
Cả tỉnh	105	112	113
Thành phố Đồng Hới	719	859	872
Thị xã Ba Đồn		659	662
Huyện Minh Hoá	33	37	37
Huyện Tuyên Hoá	67	69	69
Huyện Quảng Trạch	335	247	248
Huyện Bố Trạch	84	89	90
Huyện Quảng Ninh	73	76	77
Huyện Lệ Thuỷ	99	98	98

(Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Quảng Bình năm 2021)



Hình 7.5. Bản đồ phân bố dân cư tỉnh Quảng Bình



Dựa vào bảng 7.5 và hình 7.5, hãy nhận xét tình hình phân bố dân cư tỉnh Quảng Bình.

b. Các loại hình quần cư

Quảng Bình có 2 loại hình quần cư chính là quần cư nông thôn và quần cư thành thị. Loại hình quần cư nông thôn xuất hiện từ xa xưa và phân tán theo không gian, hoạt động chủ yếu là nông, lâm, thủy sản. Loại hình quần cư thành thị thường tập trung dọc các trục đường, các đầu mối giao thông lớn, các thị tứ, thị trấn, thị xã và thành phố, chủ yếu hoạt động trong các lĩnh vực phi nông nghiệp. Năm 2020, Quảng Bình có 01 thành phố, 01 thị xã và 08 thị trấn.



1. Trình bày đặc điểm dân số của tỉnh Quảng Bình.

2. Em hãy cho biết tại sao dân cư tập trung đông đúc ở thành phố Đồng Hới và thị xã Ba Đồn.

3. Địa phương nơi em đang sinh sống thuộc loại hình quần cư gì? Em hãy mô tả đặc điểm của loại hình quần cư đó.



Thực hiện một dự án học tập: sưu tầm thông tin, hình ảnh, ... để viết đoạn văn ngắn giới thiệu về một dân tộc sinh sống trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.

TÌM HIỂU THÊM

KHÁI QUÁT VỀ ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ TỈNH QUẢNG BÌNH

Tỉnh Quảng Bình có hai dân tộc thiểu số có số dân đông nhất: dân tộc Bru-Vân Kiều và dân tộc Chứt, chiếm khoảng 2,3% dân số của tỉnh. Các dân tộc thiểu số còn lại với số dân không nhiều như: Thổ, Mường, Tày, Thái, Pa cô,...

1. Dân tộc Chứt

Dân tộc Chứt ở Quảng Bình thuộc nhóm ngôn ngữ Việt – Mường. Địa bàn cư trú thuộc một số xã miền núi, vùng cao của các huyện Bố Trạch, Tuyên Hoá, Minh Hoá.

– *Tộc người Sách*: Địa bàn cư trú chủ yếu ở các xã vùng cao của huyện Minh Hoá và sống rải rác ở một số xã miền núi của huyện Tuyên Hoá, Bố Trạch.

Ở huyện Minh Hoá: Tộc người Sách cư trú tập trung theo cộng đồng ở các xã Thượng Hoá (bản Phú Minh, Yên Hợp), Hoá Sơn (bản Hoá Lương, Lương Năng), ngoài ra người Sách sống xen ghép với dân tộc Kinh ở các xã: Hoá Tiến, Hoá Hợp, Hoá Thanh, Dân Hoá, Trung Hoá, Hồng Hoá, Xuân Hoá, Thị trấn Quy Đạt,...

Ở huyện Tuyên Hoá: Tộc người Sách sống xen với dân tộc Kinh ở các xã: Lâm Hoá, Sơn Hoá, Lê Hoá, Thanh Hoá, Thị trấn Đồng Lê.

Ở huyện Bố Trạch: Tộc người Sách sống xen với các dân tộc khác ở các xã: Thượng Trạch, Tân Trạch.

– *Tộc người Rục* cư trú theo cộng đồng, chủ yếu là ở xã Thượng Hoá, huyện Minh Hoá.

– *Tộc người A Rem* cư trú chủ yếu ở 2 bản thuộc xã Tân Trạch, Thượng Trạch, huyện Bố Trạch.

– *Tộc người Mày* cư trú ở 11 thôn bản thuộc các xã Dân Hoá, Hoá Tiến, Hoá Thanh, Thượng Hoá, huyện Minh Hoá.

– *Tộc người Mã Liềng* cư trú theo cộng đồng ở 6 bản thuộc các xã Trọng Hoá (huyện Minh Hoá), Thanh Hoá, Lâm Hoá (huyện Tuyên Hoá).

2. Dân tộc Bru-Vân Kiều

Dân tộc Bru-Vân Kiều ở Quảng Bình thuộc nhóm ngôn ngữ Môn - Khmer. Địa bàn cư trú thuộc các xã vùng cao của huyện Lệ Thủy, Quảng Ninh, Bố Trạch và Minh Hoá.

– *Tộc người Vân Kiều*: Địa bàn cư trú chủ yếu ở các xã vùng cao của huyện Lệ Thủy, Quảng Ninh và sống rải rác ở một số xã miền núi, vùng cao của huyện Bố Trạch.

Ở huyện Lệ Thủy: Người Vân Kiều cư trú tập trung theo cộng đồng ở các xã Kim Thủy (10 bản), Lâm Thủy (6 bản), Ngân Thủy (5 bản).

Ở huyện Quảng Ninh: Người Vân Kiều sinh sống theo cộng đồng ở các xã: Trường Sơn (15 bản), Trường Xuân (5 bản).

Ở huyện Bố Trạch: Người Vân Kiều cư trú tập trung theo cộng đồng ở các xã, thị trấn, như: Sơn Trạch (1 bản), Tân Trạch (1 bản), Thị trấn Nông trường Việt Trung (1 bản), ngoài ra có một số hộ xen cư với các tộc người khác ở Thượng Trạch, Tân Trạch, huyện Bố Trạch, là điểm dừng chân cuối cùng của người Vân Kiều từ Nam ra Bắc.

– *Tộc người Ma Coong*: Đồng bào cư trú theo cộng đồng ở xã Thượng Trạch (18 bản) và một bộ phận sống xen cư với người A Rem ở Tân Trạch, huyện Bố Trạch.

– *Tộc người Khùa*: Đồng bào cư trú chủ yếu ở xã Dân Hoá (8 bản), Trọng Hoá (15 bản) của huyện Minh Hoá. Một số hộ xen cư với dân tộc khác ở xã Thanh Hoá, huyện Tuyên Hoá, xã Tân Trạch, Thượng Trạch, huyện Bố Trạch.

– *Tộc người Trì*: địa bàn cư trú ở xã Thượng Trạch (bản Cờ Đỏ, Nồng Mới, Troi) của huyện Bố Trạch.

(Nguồn: <https://bdt.quangbinh.gov.vn/3cms/vai-net-khai-quat-ve-dong-bao-dan-toc-thieu-so-tinh-quang-binh.html>)

Bài 8. NGUỒN LAO ĐỘNG, VẤN ĐỀ VIỆC LÀM Ở TỈNH QUẢNG BÌNH

Học xong chủ đề này, em sẽ:

- Trình bày được thực trạng nguồn lao động và vấn đề việc làm ở tỉnh Quảng Bình.
- Nêu được định hướng sử dụng nguồn lao động, giải quyết việc làm ở tỉnh Quảng Bình.
- Sử dụng được biểu đồ, bảng số liệu để trình bày về vấn đề lao động và việc làm ở tỉnh Quảng Bình.
- Liên hệ được thực tế của địa phương về vấn đề lao động, việc làm.



Trong xu thế hội nhập, lao động, việc làm là vấn đề được quan tâm hàng đầu ở nhiều quốc gia, địa phương và vùng lãnh thổ. Thực trạng vấn đề lao động, việc làm ở tỉnh Quảng Bình như thế nào, tỉnh đã có những định hướng gì để sử dụng hợp lý nguồn lao động và giải quyết vấn đề việc làm cho người dân?



1. Nguồn lao động

a. Số lượng lao động

Nguồn lao động của tỉnh Quảng Bình khá dồi dào, năm 2020 lao động từ 15 tuổi trở lên chiếm 57,56% tổng dân số, trong đó lao động nữ chiếm (47,7%).

Bảng 8.1. Lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên giai đoạn 2009 – 2020

(Đơn vị: người)

Năm	2009	2016	2018	2019	2020
Tổng số	452 136	529 067	527 749	516 097	505 258

(Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Quảng Bình năm 2021)



Nhận xét lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên giai đoạn 2009 – 2020?

b. Chất lượng nguồn lao động

Năm 2020, tỉ lệ lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc đã qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ từ sơ cấp nghề trở lên của tỉnh Quảng Bình đạt 21,9%. Điểm mạnh của nguồn nhân lực Quảng Bình là thông minh, cần cù, chịu khó, ham học hỏi và cầu tiến bộ.

Tuy nhiên, lao động có chuyên môn sâu, lao động chất lượng cao còn hạn chế. Năm 2020, lực lượng lao động có chuyên môn kĩ thuật bậc cao chiếm tỉ lệ nhỏ (6,2%)



Trình bày đặc điểm nguồn lao động tỉnh Quảng Bình.

c. Cơ cấu lao động

• Cơ cấu lao động phân theo thành phần kinh tế

Bảng 8.2. Cơ cấu lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc phân theo thành phần kinh tế giai đoạn 2015 – 2020

(Đơn vị: %)

Năm	Chia ra		
	Kinh tế nhà nước	Kinh tế ngoài Nhà nước	Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài
2015	8,69	91,19	0,12
2017	10,64	89,23	0,13
2019	11,49	88,25	0,26
2020	11,41	88,40	0,19



Đọc thông tin bảng 8.2, nhận xét cơ cấu lao động theo thành phần kinh tế của tỉnh Quảng Bình.

(Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Quảng Bình năm 2021)

• Cơ cấu lao động phân theo thành thị, nông thôn

Bảng 8.3. Cơ cấu lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc thành thị, nông thôn giai đoạn 2015 – 2020

(Đơn vị: %)

Năm	So với dân số		
	Toàn tỉnh	Thành thị	Nông thôn
2015	59,9	56,2	60,8
2017	57,6	54,6	58,3
2019	57,0	54,0	57,9
2020	54,3	48,2	56,1



Đọc thông tin bảng 8.3, nhận xét cơ cấu lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc phân theo thành thị, nông thôn, giai đoạn 2015 – 2020?

(Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Quảng Bình năm 2021)

2. Vấn đề việc làm

Việc làm là một vấn đề kinh tế – xã hội của tỉnh Quảng Bình. Năm 2020, tỉ lệ thất nghiệp của lực lượng lao động trong độ tuổi là 3,49%; trong đó khu vực thành thị là 5,09%, khu vực nông thôn là 3,08%; tỉ lệ thất nghiệp nam giới là 3,04% và nữ giới là 4,00%.

Bảng 8.4. Lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc hàng năm
phân theo nghề nghiệp giai đoạn 2015 – 2020

(Đơn vị: người)

Nghề nghiệp	2015	2017	2019	2020
Tổng Số	524 385	509 865	510 643	489 814
Các nhà lãnh đạo	5 729	7 893	4 502	3 831
Chuyên môn kĩ thuật bậc cao	25 133	27 551	33 004	30 133
Chuyên môn kĩ thuật bậc trung	10 310	10 147	10 147	9 311
Nhân viên	6 935	7 352	7 338	5 026
Dịch vụ cá nhân, bảo vệ, bán hàng	67 387	70 867	78 044	79 906
Lao động có kĩ thuật trong nông, lâm, thủy sản	78 543	71 376	34 960	36 275
Thợ thủ công và các thợ khác có liên quan	55 561	55 615	73 066	73 827
Thợ lắp ráp và vận hành máy móc, thiết bị	15 083	21 192	23 287	20 835
Nghề giản đơn	258 352	237 002	242 917	229 625
Khác	1 352	870	1 137	1 012

(Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Quảng Bình năm 2021)

Bảng 8.5. Tỉ lệ lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc
so với tổng số dân giai đoạn 2015 – 2020

(Đơn vị: %)

Năm	2015	2017	2019	2020
Cả nước	57,6	57,0	56,7	54,9
Tỉnh Quảng Bình	59,9	57,6	57,0	54,3

(Nguồn: Niên giám thống kê năm 2021)



Đọc thông tin bảng 8.4, 8.5 và mục 2, em hãy trình bày thực trạng vấn đề việc làm ở tỉnh Quảng Bình.

3. Định hướng sử dụng nguồn lao động, giải quyết việc làm

Để sử dụng hợp lý nguồn lao động và giải quyết việc làm cho người lao động, tỉnh Quảng Bình tập trung giải quyết theo các hướng sau:

– Tiếp tục thúc đẩy phát triển kinh tế nhằm tạo việc làm cho người lao động, vì tăng trưởng kinh tế cao sẽ tạo thêm chỗ làm mới, từ đó giải quyết việc làm, nâng cao chất lượng cuộc sống cho người lao động một cách thuận lợi hơn.

– Đẩy mạnh giáo dục nghề nghiệp, phát triển nguồn nhân lực: Nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp, chú trọng đào tạo nghề chất lượng cao, gắn kết giáo dục nghề nghiệp với thị trường lao động.

– Phát triển thị trường lao động, thúc đẩy cung ứng lao động, giới thiệu việc làm: Tăng cường hiệu quả hoạt động dịch vụ việc làm và cung ứng lao động. Đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.



1. Dựa vào bảng 8.2 vẽ biểu đồ thể hiện cơ cấu lao động phân theo thành phần kinh tế của tỉnh Quảng Bình năm 2015, năm 2020 và nhận xét về sự thay đổi đó.

2. Phân tích ưu điểm và hạn chế của nguồn lao động tỉnh Quảng Bình.



Hãy thu thập thông tin và số liệu, kết hợp với kiến thức đã học, lựa chọn viết một báo cáo ngắn về tình hình lao động, việc làm hoặc chất lượng cuộc sống dân cư ở địa phương em.

TÌM HIỂU THÊM

Qua hơn 30 năm tái thành lập tỉnh (từ ngày 1-7-1989), thực hiện đường lối đổi mới, tỉnh Quảng Bình luôn chú trọng thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế với bảo đảm tiến bộ và công bằng xã hội ở từng lĩnh vực, địa phương, trong các chính sách phát triển, thực hiện các chính sách xã hội trên cơ sở phát triển kinh tế, tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Quảng Bình.

Năm 2020, giải quyết việc làm là một điểm sáng trong thực hiện chính sách xã hội của tỉnh, mặc dù bị ảnh hưởng của đại dịch COVID-19 và bão, lũ, toàn tỉnh đã có 28.945 lao động được tạo việc làm và tạo thêm việc làm (đạt 87,4% kế hoạch năm), trong đó 16.619 lao động được tạo việc làm và 12.326 lao động được tạo thêm việc làm. Tỷ lệ lao động qua đào tạo ngày càng tăng, đáp ứng nhu cầu của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức từ tỉnh đến xã được nâng lên. Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức có trình độ cao đẳng, đại học và sau đại học ngày càng tăng. Công tác đào tạo nguồn nhân lực được chú trọng và có nhiều chuyển biến tích cực. Chất lượng giáo dục toàn diện và mũi nhọn chuyển biến rõ rệt. Từ chính sách dân số đến việc giải quyết việc làm có hiệu quả đã tạo điều kiện nâng cao thu nhập, đời sống vật chất và tinh thần cho người dân. Trong điều kiện còn nhiều khó khăn, kết quả trên là một nỗ lực rất lớn của Đảng bộ và nhân dân trong tỉnh, góp phần làm giảm đáng kể tỷ lệ thất nghiệp.

Nguồn: <https://www.tapchicongsan.org.vn/web/guest/tinh-quang-binh/-/2018/821858/tinh-quang-binh-gan-phat-trien-kinh-te-voi-thuc-hien-tot-chinh-sach-xa-hoi.aspx>

Bài 9. KHAI THÁC, SỬ DỤNG BỀN VỮNG TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN Ở TỈNH QUẢNG BÌNH

Học xong chủ đề này, em sẽ:

- Trình bày được một số đặc trưng của tài nguyên thiên nhiên (đất, rừng, biển) ở tỉnh Quảng Bình.
- Trình bày được các biện pháp nhằm khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên thiên nhiên (đất, rừng, biển) ở tỉnh Quảng Bình.
- Có ý thức và tuyên truyền mọi người cùng bảo vệ tài nguyên thiên nhiên ở tỉnh Quảng Bình.



Chia sẻ những điều em biết về một tài nguyên thiên nhiên ở tỉnh Quảng Bình.



1. Tài nguyên đất

a. Một số đặc trưng

Quảng Bình có tổng diện tích đất 799 876 ha, gồm đất nông nghiệp (725 292 ha), đất phi nông nghiệp (57 495 ha) và đất chưa sử dụng (17 089 ha).

Đất nông nghiệp chủ yếu là đất lâm nghiệp có rừng (gồm rừng sản xuất, rừng đặc dụng và rừng phòng hộ) đất sản xuất nông nghiệp (gồm đất trồng cây lâu năm và đất trồng cây hàng năm: đất trồng lúa, đất cỏ dùng cho chăn nuôi, đất trồng cây hàng năm khác) đất nuôi trồng thủy sản, đất làm muối và đất nông nghiệp khác.

Đất phi nông nghiệp gồm có: đất ở (gồm đất ở đô thị, đất ở nông thôn); đất chuyên dùng (gồm đất trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp; đất quốc phòng, an ninh; đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp, đất có mục đích công cộng); đất tôn giáo, tín ngưỡng; đất nghĩa trang, nghĩa địa; đất sông suối và mặt nước chuyên dùng.

(Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Quảng Bình năm 2020)



Đọc thông tin và hoàn thành các nhiệm vụ sau:

- Trình bày một số đặc trưng của tài nguyên đất tỉnh Quảng Bình.
- Tính tỉ lệ phần trăm các loại đất so với tổng diện tích đất tỉnh Quảng Bình.

b. Khai thác và sử dụng bền vững tài nguyên đất tỉnh Quảng Bình

Tỉnh Quảng Bình quy hoạch khai thác và sử dụng đất theo hướng xây dựng một nền nông, lâm và ngư nghiệp toàn diện, cùng với ngành công nghiệp và du lịch giúp kinh tế, xã hội tỉnh phát triển bền vững. Cụ thể như sau:

– Hình thành một số vùng nông nghiệp (trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản,...) ứng dụng công nghệ cao sản xuất theo hướng hữu cơ, tập trung vào các đối tượng: lúa, rau, cây dược liệu, cây ăn quả, bò, gia cầm, tôm (nước mặn, nước lợ),... tại một số địa phương tiềm năng như: huyện Lệ Thủy, huyện Quảng Ninh và huyện Bố Trạch.

– Phát triển sản xuất lâm nghiệp nhằm tăng giá trị kinh tế và bảo vệ môi trường, khai thác, sử dụng rừng gắn với bảo tồn tài nguyên thiên nhiên, đa dạng sinh học, ứng phó hiệu quả với biến đổi khí hậu, góp phần xoá đói, giảm nghèo.

– Rà soát, bổ sung các khu, cụm khu công nghiệp dựa trên các khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp hiện có, kết cấu hạ tầng về giao thông, hạ tầng điện và quỹ đất, phù hợp với điều kiện thực tiễn của từng địa phương.

– Xây dựng và tổ chức không gian phát triển các vùng trọng điểm bao gồm: Khu du lịch Quốc gia Phong Nha – Kẻ Bàng; Khu trung tâm du lịch văn hoá và nghỉ dưỡng phía nam tỉnh Quảng Bình; Khu du lịch phía bắc và Vũng Chùa – Đảo Yến; Khu phụ trợ phát triển du lịch phía tây tại các huyện Minh Hoá, Tuyên Hoá;...

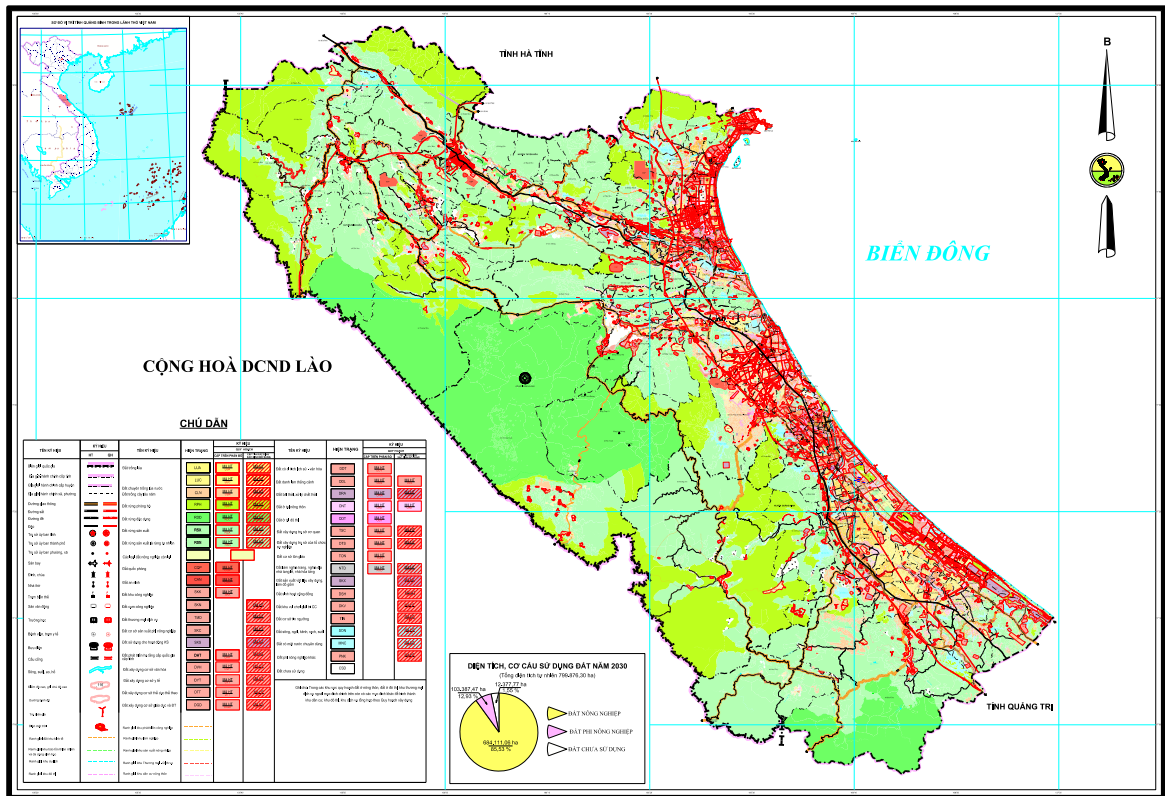
– Xây dựng hệ thống các đô thị là trung tâm phát triển về kinh tế, văn hoá với chức năng là hạt nhân thúc đẩy các vùng ven đô và nông thôn. Thành phố Đồng Hới, thị xã Ba Đồn, thị trấn Hoàn Lão, thị trấn Kiến Giang, thị trấn Phong Nha tiếp tục được quy hoạch và xây dựng hạ tầng.

– Cơ sở hạ tầng nông thôn được xây dựng đồng bộ và từng bước hiện đại dựa trên cơ sở bản sắc văn hoá của từng địa phương, làng, xã; thực hiện bố trí dân cư theo hướng xoá bỏ các điểm lẻ, không tập trung; đất ở mới được cấp với quy mô đảm bảo xây dựng theo mô hình, kiến trúc truyền thống; các thôn, bản được xây dựng với đầy đủ hạ tầng cơ



Hình 9.1. Vùng trồng lúa ứng dụng công nghệ cao tại huyện Lệ Thủy và huyện Quảng Ninh

bản như: nhà văn hoá, sân thể thao,... Đối với cấp xã, hình thành khu trung tâm với đầy đủ sân thể thao, trạm y tế, bưu điện, trường học, khu công viên cây xanh, mặt nước,...



Hình 9.2. Bản đồ phương án quy hoạch sử dụng đất thời kì 2021 - 2030 tầm nhìn đến năm 2050 tỉnh Quảng Bình



Dựa vào bản đồ phương án quy hoạch sử dụng đất và các thông tin, em hãy:

- Trình bày các biện pháp khai thác và sử dụng bền vững tài nguyên đất tỉnh Quảng Bình.
- Nêu diện tích các loại đất ở tỉnh Quảng Bình (đất nông nghiệp, đất phi nông nghiệp, đất chưa sử dụng) được quy hoạch năm 2030.

2. Tài nguyên rừng

a. Một số đặc trưng

Năm 2021, tỉnh Quảng Bình có tổng diện tích rừng là 588 387,06 ha (trong đó diện tích có rừng 548 698,33 ha, diện tích rừng trồng chưa thành rừng 39 688,73 ha); diện tích quy hoạch rừng đặc dụng 144 310,91 ha; diện tích quy hoạch rừng phòng hộ 151 964,49 ha; diện tích quy hoạch rừng sản xuất 318 881,84 ha. Tỷ lệ che phủ rừng của tỉnh Quảng Bình đạt 68,59%. Rừng phân bố hầu hết ở các huyện trong tỉnh, trong đó tập trung chủ yếu là ở các huyện Bố Trạch, Minh Hoá, Lệ Thuỷ, Quảng Ninh, Tuyên Hoá.

Thảm thực vật rừng Quảng Bình rất đa dạng, phong phú với nhiều loại gỗ quý, dược liệu quý, có giá trị lớn. Tại khu vực Động Châu - Khe Nước Trong, đến nay đã phát hiện được 87 loài thực vật mang yếu tố đặc hữu của Việt Nam, 51 loài ghi trong Sách đỏ Việt Nam hoặc loài quý hiếm cần bảo tồn. Ngoài ra, nhiều loài cây quý hiếm như: bách xanh núi đá, lim xanh, gụ lau, ... và nhiều loài thủy sinh có ở khu vực Vườn Quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng.

Động vật rừng tỉnh Quảng Bình có nhiều loài quý hiếm như: khỉ, vượn, voọc, trĩ sao, gà lôi, các loài bò sát,... Đặc biệt, tại khu vực Vườn Quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng, rừng Động Châu - Khe Nước Trong có nhiều đàn và cá thể động vật như: khỉ mặt đỏ, khỉ vàng, khỉ đuôi lợn, voọc Hà Tĩnh, vượn đen má trắng Siki, chà vá chân nâu, lợn rừng, sơn dương, bò tót, mang Trường Sơn, mang lớn, sao la, tê tê Java, chồn, cu ly nhỏ, thỏ vằn, gà rừng, rắn,... trong đó có 3 loài đang bị đe dọa tuyệt chủng là: mang lớn, sao la, tê tê Java. Khu vực Khe Nước Trong được tổ chức Bảo tồn Chim Thế giới công nhận là một trong 62 vùng chim quan trọng và nằm trong vùng chim đặc hữu đất thấp của Việt Nam. Ở đây, có các loài đang bị đe dọa ở cấp toàn cầu như: trĩ sao, khướu mỏ dài, khướu má xám, chích chạch má xám, các loài gà lôi, gà tiền. Ngoài ra, tại khu vực này đã ghi nhận có 15 loài bò sát và ếch nhái đặc hữu của Việt Nam, 12 loài đặc hữu của Đông Dương và 17 loài bị đe dọa tuyệt chủng (09 loài có trong Sách Đỏ Việt Nam, 10 loài ghi trong Sách Đỏ thế giới, 06 loài ghi trong Nghị định 06/2019/NĐ-CP của Chính phủ và 07 loài ghi trong các phụ lục CITES).



Trình bày một số đặc trưng tài nguyên rừng tỉnh Quảng Bình.

b. Khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên rừng tỉnh Quảng Bình

Tỉnh Quảng Bình đẩy mạnh phát triển tài nguyên rừng nhằm tăng giá trị kinh tế và phát huy hiệu quả bảo vệ môi trường; khai thác, sử dụng rừng gắn liền với bảo tồn tài nguyên thiên nhiên, đa dạng sinh học, ứng phó hiệu quả với biến đổi khí hậu. Cụ thể như sau:

- Tuyên truyền, vận động và thực hiện tốt việc bảo vệ môi trường rừng.

- Quy hoạch các khu rừng đặc dụng, khu bảo tồn thiên nhiên, khu bảo vệ cảnh quan,...



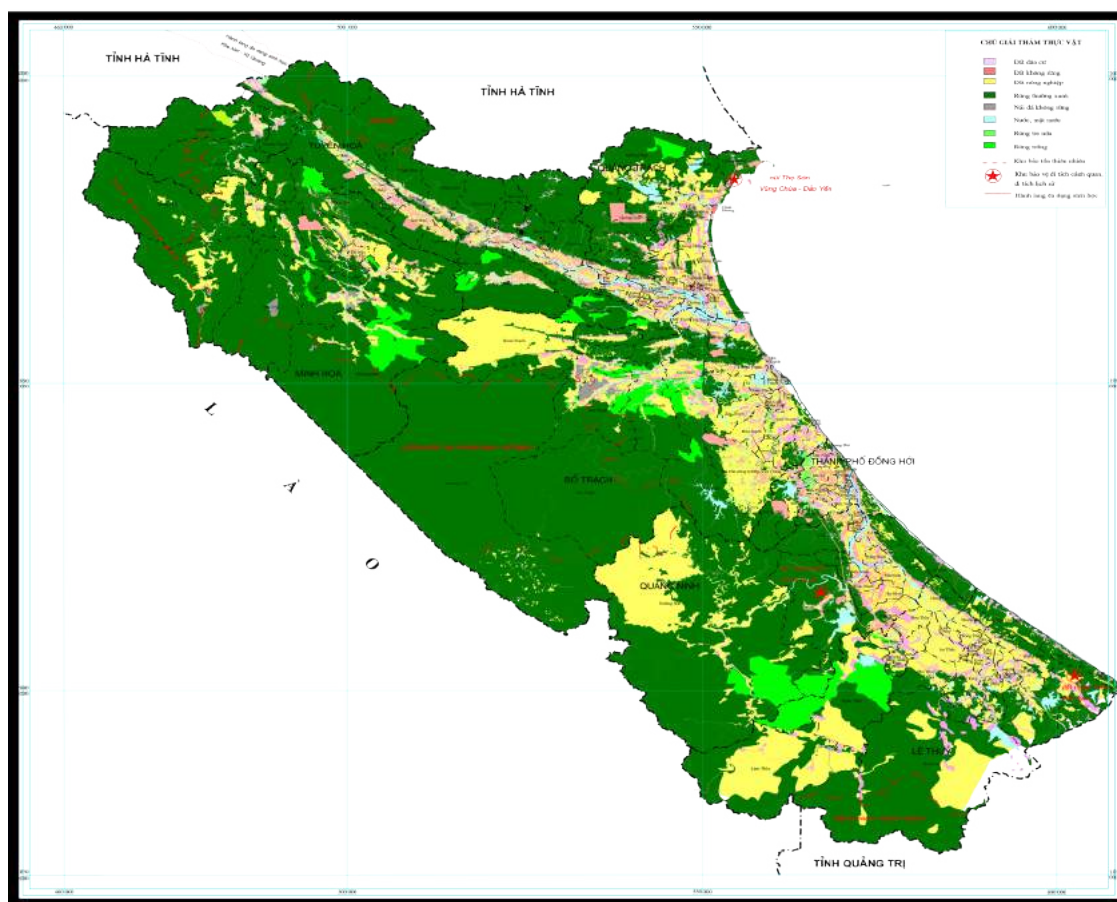
Hình 9.3. Rừng nguyên sinh trên núi đá vôi (Vườn Quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng)

– Bảo tồn và phát triển các hệ sinh thái rừng, bảo tồn đa dạng sinh học, bảo tồn các nguồn gen động, thực vật rừng đặc hữu, quý hiếm nhằm phát huy và khai thác có hiệu quả các tiềm năng, giá trị của rừng.

– Xử lý nghiêm các hành vi vi phạm về bảo vệ động vật hoang dã; kiểm tra các cơ sở nuôi động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm, động vật hoang dã nguy cấp thuộc phụ lục CITES và động vật rừng thông thường nhằm ngăn ngừa tình trạng lợi dụng mua bán, cất giữ, giết mổ, vận chuyển, kinh doanh động vật hoang dã trái pháp luật; đảm bảo các điều kiện gây nuôi động vật hoang dã tại các cơ sở nuôi theo quy định.



Hình 9.4. Sao la



Hình 9.5. Bản đồ quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học tỉnh Quảng Bình đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030



Dựa vào bản đồ phương án quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học và các thông tin, em hãy:

- Kể tên các khu bảo tồn thiên nhiên của tỉnh Quảng Bình.
- Kể tên những huyện có diện tích rừng trồng lớn.

3. Tài nguyên biển

a. Một số đặc trưng

Quảng Bình có đường bờ biển dài 116,04 km với 5 cửa sông (sông Roòn, sông Gianh, sông Lý Hoà, sông Dinh, sông Nhật Lệ) và các cảng biển: cảng Gianh, cảng Hòn La, ... Vịnh Hòn La có độ sâu trên 15 m, diện tích mặt nước 4 km², xung quanh có các đảo: Hòn La, Hòn Cọ, Hòn Chùa che chắn có thể cho phép tàu 3 – 5 vạn tấn vào cảng, thuận lợi cho việc xây dựng khu công nghiệp gần với cảng biển nước sâu.



Hình 9.6. Bãi biển Nhật Lệ, Quảng Bình



Hình 9.7. Cảng Hòn La, Quảng Bình

Tỉnh Quảng Bình có thêm lục địa rộng gấp 2,6 lần diện tích đất liền, là một ngư trường rộng lớn với trữ lượng hải sản khoảng 10 vạn tấn. Biển Quảng Bình có khoảng 1 650 loài, trong đó có những loài quý hiếm như: tôm hùm, tôm sú, mực ống, mực nang, san hô. Phía bắc tỉnh Quảng Bình có bãi san hô trắng với diện tích hàng chục ha, đó là nguồn nguyên liệu quý cho sản xuất hàng mỹ nghệ và tạo ra vùng sinh thái của hệ san hô. Ngoài ra, vùng ven biển của tỉnh có tiềm năng rất lớn về cát thạch anh, nguyên liệu để sản xuất thủy tinh cao cấp xuất khẩu, là những lợi thế để tỉnh Quảng Bình phát triển nền kinh tế tổng hợp vùng ven biển.

Với 5 cửa sông, Quảng Bình có vùng mặt nước khá lớn rất thuận lợi cho việc nuôi trồng các loài thủy, hải sản xuất khẩu.



Hình 9.8. Nuôi tôm tại huyện Lệ Thủy

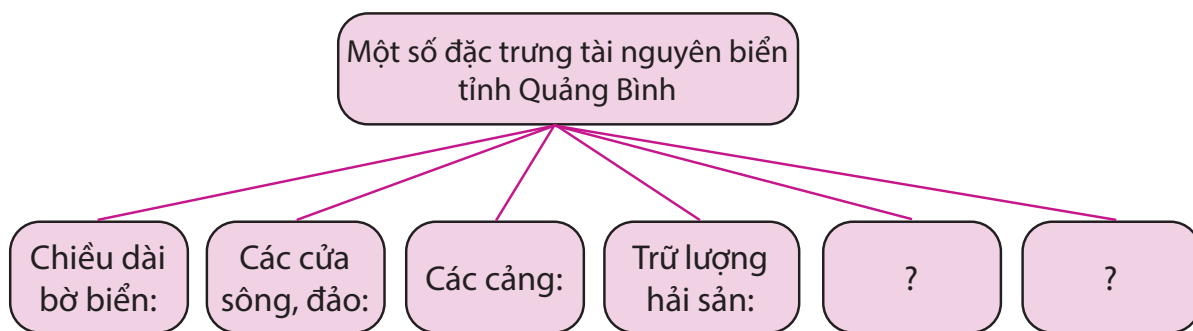


Hình 9.9. Đánh bắt hải sản ở vùng biển tỉnh Quảng Bình

Hiện nay, ở vùng ven các cửa biển tỉnh Quảng Bình đã thống kê được 15 loài rong biển, 11 loài cỏ biển, 127 loài thực vật nổi; 79 loài và nhóm động vật nổi; 108 loài và nhóm loài động vật đáy; khu hệ cá nước lợ, nước mặn có 259 loài, trong đó theo Sách Đỏ Việt Nam năm 2007 có 5 loài cá quý hiếm.



Đọc thông tin, quan sát các hình 9.6 đến 9.9, hãy trình bày một số đặc trưng tài nguyên biển ở tỉnh Quảng Bình theo gợi ý sau:



b. Khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên biển tỉnh Quảng Bình

Tỉnh Quảng Bình xác định mục tiêu đến năm 2030 phát triển bền vững thành công, đột phá các ngành kinh tế biển theo thứ tự ưu tiên: Du lịch và dịch vụ biển; công nghiệp ven biển; nuôi trồng và khai thác hải sản; kinh tế hàng hải và các ngành kinh tế biển mới; khai thác khoáng sản biển, năng lượng tái tạo với một số giải pháp cụ thể như sau:

– Tuyên truyền, nâng cao nhận thức của người dân về phát triển bền vững biển.

– Giáo dục, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực biển, tăng cường giáo dục, nâng cao nhận thức, kiến thức, hiểu biết về biển, đại dương, kỹ năng sinh tồn, thích ứng với biến đổi khí hậu, nước biển dâng, phòng, tránh thiên tai cho học sinh, sinh viên trong tất cả các bậc học, cấp học.

– Giám sát, điều tra tài nguyên, môi trường biển, phòng tránh thiên tai, tìm kiếm cứu nạn trên biển.

– Kiểm soát ô nhiễm môi trường biển và hải đảo, đặc biệt là rác thải nhựa; thực hiện tốt công tác ứng phó, khắc phục sự cố tràn dầu, hoá chất độc trên biển.

– Hỗ trợ và tạo điều kiện để người dân ven biển chuyển đổi nghề, tạo sinh kế bền vững, việc làm mới ổn định, nâng cao thu nhập.



Theo em, giải pháp nào của khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên biển tỉnh Quảng Bình phù hợp với ngành giáo dục? Vì sao?



1. So sánh và nhận xét diện tích, cơ cấu sử dụng đất của tỉnh Quảng Bình năm 2030 với năm 2020.

2. Liệt kê một số động vật rừng ở tỉnh Quảng Bình theo gợi ý sau:

LOÀI BÒ SÁT

LOÀI CHIM

LOÀI THÚ
(ĐỘNG VẬT
CÓ VÚ)

3. Lựa chọn đáp án đúng về tài nguyên biển tỉnh Quảng Bình.

- Tỉnh Quảng Bình có 5 cửa sông.
- Tỉnh Quảng Bình có thêm lục địa gấp 3,6 lần diện tích đất liền.
- Vùng ven biển của tỉnh có nhiều cát thạch anh, là nguyên liệu để sản xuất thủy tinh cao cấp.
- Phía bắc tỉnh Quảng Bình có bãi san hô trắng với diện tích hàng trăm ha
- Có 5 loài cá quý hiếm ở vùng ven biển tỉnh Quảng Bình trong Sách đỏ Việt Nam năm 2007.



1. Quan sát và tìm hiểu một số hoạt động làm ảnh hưởng đến tài nguyên biển (đất hoặc rừng) của người dân địa phương nơi em sống.

2. Chia sẻ với người thân về những việc nên và không nên làm để bảo vệ tài nguyên thiên nhiên tỉnh Quảng Bình.

Bài 10. THỰC HÀNH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG NƠI EM SỐNG

Học xong chủ đề này, em sẽ:

- Phân tích được các đặc điểm của môi trường nơi học tập, cư trú, sinh sống từ đó đề xuất được một số biện pháp nhằm bảo vệ môi trường.
- Thể hiện được ý thức bảo vệ môi trường thông qua các hoạt động cụ thể gắn liền với trường lớp, thôn xóm làng bản nơi sinh sống.



Chia sẻ về một hoạt động bảo vệ môi trường ở địa phương mà em biết.



Hình 10.1. Trồng hoa ở đường làng, ngõ xóm



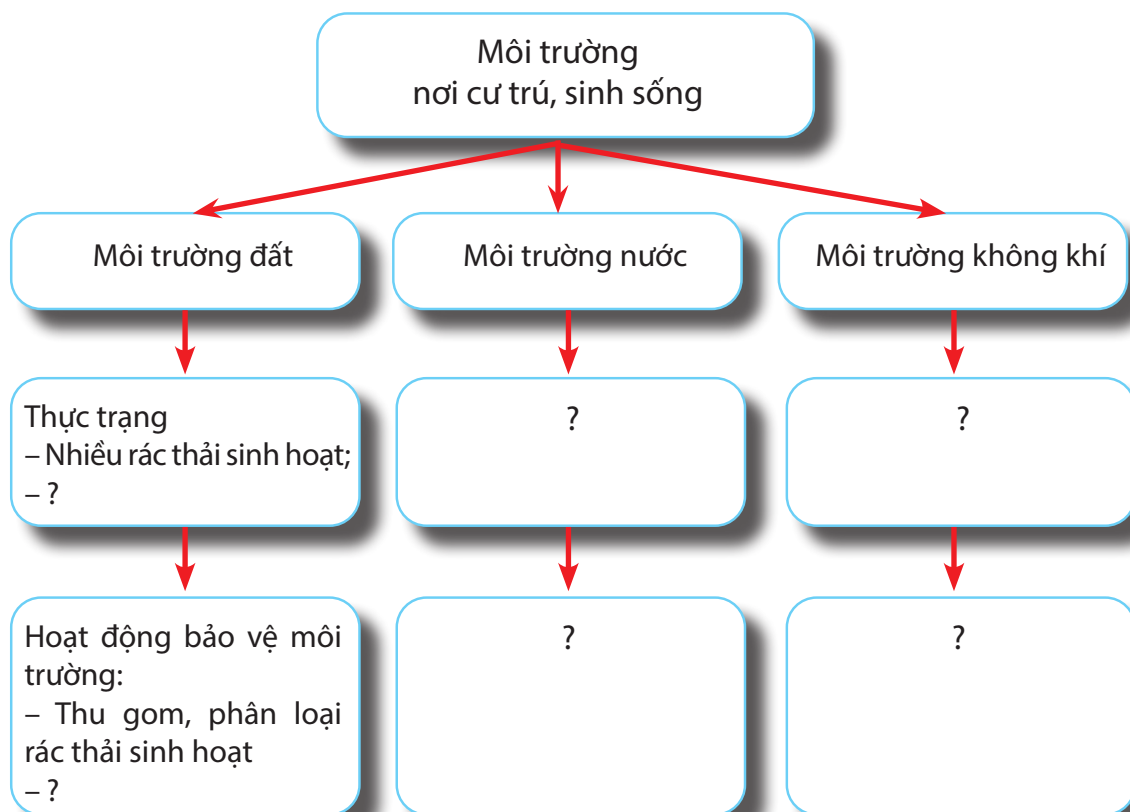
Hình 10.2. Thu gom vỏ bao bì thuốc bảo vệ thực vật (hoặc ủ phân bón hữu cơ từ phế phẩm nông nghiệp, ...)



I. HOẠT ĐỘNG ĐIỀU TRA

1. Thu thập thông tin về thực trạng môi trường và đề xuất hoạt động bảo vệ môi trường ở nơi cư trú, sinh sống.

- Đề xuất các ý tưởng để tìm hiểu thực trạng môi trường ở nơi cư trú, sinh sống.
- Lựa chọn và thu thập thông tin về thực trạng môi trường theo gợi ý dưới đây:



2. Thu thập thông tin thông qua tìm hiểu sách, báo, internet, phỏng vấn và chia sẻ hoạt động bảo vệ môi trường sẽ thực hiện.

Nhóm mình sẽ cùng thực hiện sử dụng các sản phẩm nhựa tái chế từ rác thải sinh hoạt để trồng cây.



Nhóm mình lựa chọn hoạt động bảo vệ môi trường đất.



II. HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH

1. Lập kế hoạch thực hành bảo vệ môi trường nơi cư trú, sinh sống.

NHÓM:

- Tên hoạt động.
- Mục đích.
- Thời gian và địa điểm thực hành.
- Dự kiến các công việc cần chuẩn bị:
 - + Các hoạt động thực hành bảo vệ môi trường.
 - + Các đồ dùng thực hành; phương tiện để ghi chép, lưu trữ, thu thập thông tin khi thực hành.
 - + Những điểm cần lưu ý khi thực hành.
- Phân công nhiệm vụ cho các thành viên trong nhóm.

2. Chia sẻ, chỉnh sửa và hoàn thiện kế hoạch.

- Các nhóm trình bày kế hoạch.
- Góp ý và chỉnh sửa kế hoạch cho phù hợp với thực tế ở địa phương.

3. Thực hành hoạt động bảo vệ môi trường.

Các nhóm thực hiện và chỉnh sửa kế hoạch đã được chỉnh sửa và hoàn thiện.

III. BÁO CÁO THU HOẠCH

1. Lựa chọn các hình thức khác nhau (viết, vẽ, powerpoint, ...) để viết báo cáo thu hoạch sau thực hành bảo vệ môi trường nơi cư trú, sinh sống theo gợi ý sau:

- + Địa điểm, thời gian.
- + Những hoạt động thực hành bảo vệ môi trường đã được tham gia.
- + Những điều em và các bạn đã học được.
- + Cảm nghĩ của em sau buổi thực hành.

2. Chia sẻ với các bạn trong lớp kết quả hoạt động của nhóm em.



Chia sẻ với người thân về những điều em đã học được khi tham gia các hoạt động thực hành bảo vệ môi trường nơi em sinh sống.

Bài 11. GƯƠNG NGƯỜI TỐT, VIỆC TỐT Ở TỈNH QUẢNG BÌNH

Học xong bài này em sẽ:

- Tìm hiểu và nêu được các gương người tốt, việc tốt trên các lĩnh vực của đời sống xã hội ở địa phương.
- Nêu được vai trò của các gương người tốt, việc tốt trên các lĩnh vực của đời sống xã hội ở địa phương.
- Có thái độ trân trọng, biết ơn, học và làm theo tấm gương người tốt, việc tốt.



Trò chơi: *Thẩm thấu âm nhạc*

Các em nghe một bài hát/ video và trả lời câu hỏi sau:



1. Bài hát chúng ta vừa nghe đang nói đến nội dung gì?
2. Kể lại những việc làm tốt, nói lời hay ở trong bài hát?
3. Hãy chia sẻ hiểu biết của em về việc làm tốt, nói lời hay đó.



Đọc thông tin và thực hiện yêu cầu sau:

Thông tin 1: Sáng ngày 12/4/2018, em Nguyễn Phương T, học sinh lớp 7A1, Trường Trung học cơ sở trên địa bàn huyện Lệ Thủy đã nhặt được một chiếc ví bằng vàng khi tan trường và em đã gửi lại Văn phòng Đội để trả lại tài sản cho người bị mất.

Thông tin 2: Từ ngày 2 đến ngày 4/10/2010, trời mưa như trút nước. Dòng sông Son, bình thường nước chảy "dịu dàng dễ thương", nhưng trong những ngày này dòng nước đỏ ngầu và bỗng trở nên hung dữ, cuộn cuộn dâng lên, đưa nước tràn đến tận từng hộ dân của xã X, huyện Bố Trạch (Quảng Bình). Đến 18h ngày 4/10, hơn 1 nghìn ngôi nhà của xã nước vào ngập sâu từ 1 – 6m.

Anh Đ, Trưởng thôn T, chỉ kịp đưa vợ và con nhỏ đến sơ tán ở nhờ trường học hai tầng của xã rồi chèo thuyền về ngay thôn mình tổ chức cứu dân, cứu tài sản. Anh nghĩ,

mình là trưởng thôn, trách nhiệm lúc này là phải cứu dân ra khỏi vùng rốn lũ. Nghĩ thế, anh lao thuyền trong đêm tối đến tận từng nhà, chuyển từng người già, trẻ em đang ở trên nóc nhà xuống thuyền.

Cứ như vậy, khi anh cứu đến người thứ 50 trong thôn, khi đi qua nhà của anh thì nhà đã không còn nữa, nước lũ đã cuốn trôi cả nhà và tài sản của gia đình. Khuôn mặt anh bạc thếp, hằn sâu những vết nhăn, biểu lộ mệt mỏi vì đói, vì lạnh.

Nhưng anh vẫn động viên mọi người: "Nhà tôi, của cải của gia đình tôi bị nước lũ cuốn trôi không còn nữa, nhưng tôi vui vì đã cứu được nhiều người dân thoát khỏi tử thần. Còn người là còn của, nhà cửa, của cải mất đi tôi còn làm lại được mà..."

Thông tin 3: Anh N đang chăm sóc mẹ bị ốm tại bệnh viện tỉnh. Nghe bệnh viện thông báo "Hiện nay cần chuyển máu cho bệnh nhân đang phẫu thuật, nhưng hiện tại nhóm máu O ở trong kho máu của bệnh viện không đủ..." Biết mình có cùng nhóm máu, anh N đã không chần chừ tình nguyện hiến máu để cứu sống người bệnh.



1. Từ những hành động, việc làm của bạn T, anh Đ và anh N ở trong 3 thông tin trên, em hiểu thế nào là gương người tốt, việc tốt?
2. Dựa vào 3 thông tin trên, em hãy cho biết để được coi là người tốt cần phải có những phẩm chất, đạo đức gì?
3. Hãy kể một số gương người tốt, việc tốt ở trường, lớp, nơi em sống.



1. Em đồng ý hay không đồng ý với việc làm nào dưới đây, vì sao?

- a. Hùng giúp đỡ người khiếm thị đi sang đường.
- b. Hà nhin ăn quà sáng để lấy tiền mua sách vở ủng hộ các bạn ở vùng lũ lụt.
- c. Giúp bạn trả thù khi người khác bắt nạt bạn mình.
- d. Trên đường đi học về, Nga và Lan thấy cái hố nhỏ ở vỉa hè đã rủ nhau đi lấy đất lấp lại cho mọi người đi khỏi vấp ngã.
- e. Sợ bạn bị điểm kém, khi làm bài kiểm tra Vy đã đưa bài của mình cho bạn chép.

2. Em sẽ làm gì khi gặp tình huống sau đây, vì sao?

- a. Khi gặp một người đang bị đuối nước.
- b. Một người bạn mới nhập học còn rất bỡ ngỡ với lớp, với trường.
- c. Khi gặp một người lạ đang đột nhập vào nhà hàng xóm.

- d. Bạn của em bị gãy tay phải nên không thể viết bài được.
- e. Trên đường đi học về gặp người bị thương do tai nạn giao thông.

3. Viết một đoạn văn ngắn (khoảng 10 đến 15 câu) nói về một việc làm tốt mà em đã tham gia.



1. Chiếc lọ thần kì

Em hãy chuẩn bị một chiếc lọ và ghi lên một mảnh giấy màu về một việc làm tốt của em mỗi ngày. Khi chiếc lọ đầy những mảnh giấy màu, em đã làm được những điều nhỏ bé nhưng vô cùng ý nghĩa.



2. Hãy kể cho các bạn cùng nghe một câu chuyện về gương người tốt, việc tốt mà em đã chứng kiến hoặc trực tiếp tham gia.

Gợi ý:

- Thời gian, địa điểm mà em chứng kiến hoặc trực tiếp tham gia của câu chuyện?
- Việc tốt của người đó (bản thân) đã làm là gì?
- Những điều em đã học được từ câu chuyện
- Nêu tình cảm, cảm xúc của em khi được chứng kiến (trực tiếp) tham gia tạo nên gương người tốt, việc tốt.

TÀI LIỆU THAM KHẢO	
1	Nguyễn Tú, Quảng Bình nước non và lịch sử, Sở Văn hoá thông tin Quảng Bình, 1998.
2	Trương Đình Châu (Chủ biên), Tài liệu giáo dục địa phương Ngữ Văn, Lịch sử lớp 6 (dành cho học sinh tỉnh Quảng Bình), NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội, 2013.
3	Trương Đình Châu (Chủ biên), Tài liệu giáo dục địa phương Ngữ Văn, Lịch sử lớp 7 (dành cho học sinh tỉnh Quảng Bình), NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội, 2016.
4	Trương Đình Châu (Chủ biên), Tài liệu giáo dục địa phương Lịch sử, Giáo dục công dân lớp 10 (dành cho học sinh tỉnh Quảng Bình), NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội, 2015.
5	Tỉnh ủy – Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình, Địa chí Quảng Bình, NXB Chính trị quốc gia – Sự thật, Hà Nội, 2012.

DANH SÁCH HÌNH ẢNH SỬ DỤNG TRONG TÀI LIỆU	
Hình	Nguồn
Hình bìa	Thành Vương
1.1	Quỳnh Trang
1.2	Vĩnh Hà
1.3; 3.2; 3.4; 3.7; 3.8	https://www.baoquangbinh.vn
3.1	https://www.qdnd.vn
3.3	https://badontv.vn
3.5	https://baoquangbinh.vn
3.6	http://www.quangbinhvn.com
7.4	https://baodantoc.vn/

DANH SÁCH HÌNH ẢNH SỬ DỤNG TRONG TÀI LIỆU	
Hình	Nguồn
9.1	https://www.baoquangbinh.vn/kinh-te/201906/que-anh-hai-mua-lua-2168113/
9.2	https://www.baoquangbinh.vn/kinh-te/202001/bo-trach-phat-trien-mo-hinh-chan-nuoi-de-2173479/
9.3	https://odinland.com/property/khu-kinh-te-hon-la/
9.4	https://odinland.com/property/khu-cong-nghiep-tay-bac-quan-hau/
9.5	Sở Tài nguyên và Môi trường Quảng Bình
9.7	https://vietnamforestry.org.vn/vuon-quoc-gia-phong-nha-ke-bang/

Tập thể tác giả biên soạn xin trân trọng cảm ơn các tác giả có tác phẩm, tư liệu, ảnh được sử dụng, trích dẫn trong cuốn sách này.

